뮤 직 비 디 오 로 배 우 는

한 국 어

Học tiếng Hàn qua music video

유형별 TOPIK II 대표 문항 모의고사
Đề thi thử TOPIK II theo từng dạng câu hỏi

제 1 편

♪ 사계절

발라드 버전 · Tập 1 “Bốn mùa” (phiên bản ballad)



뮤직비디오 「사계절」의 주인공

가사 · 발음 · 형태소 분석 · 핵심 문법 | 듣기 10 + 읽기 30 | 상세 해설 · 문화 노트 · 색인

지은이 에픽21 (EPIC21)
youtube.com/@EPIC21korean

@EPIC21korean
Đến với kênh

지은이 · 채널 소개

Giới thiệu tác giả và kênh

에픽21 (EPIC21)

21세기의 서사시를 뮤직비디오로 전하는 스튜디오입니다. 시적 감성과 AI 기술로 태어난 아름다운 이야기들이 여러분의 하루에 기쁨이 되기를 바랍니다. 「뮤직비디오로 배우는 한국어」는 노래 한 곡을 어휘·문법·발음 학습과 TOPIK 대비로 연결하는 시리즈로, 새로운 곡과 함께 다음 편이 계속 이어집니다.

EPIC21 là studio kể những thiên anh hùng ca của thế kỷ 21 bằng ngôn ngữ music video. Bộ sách "Học tiếng Hàn qua music video" biến một bài hát duy nhất thành trọn vẹn phần học từ vựng, ngữ pháp, phát âm và luyện thi TOPIK; cứ mỗi bài hát mới lại có thêm một tập mới.

이 책의 뮤직비디오와 다음 편 소식을 채널에서 만나 보세요.

Hãy xem music video của cuốn sách này và theo dõi tin tức về tập tiếp theo trên kênh.

youtube.com/@EPIC21korean

기획 · 작사 · 편집 에픽21 (EPIC21) | **작곡 · 노래 · 영상 · 디자인 등** AI 활용

Lên ý tưởng · viết lời · biên tập: EPIC21 | Phần nhạc · giọng hát · video · thiết kế v.v.: có sự hỗ trợ của trí tuệ nhân tạo

일러두기 — ① 어휘와 문법의 뜻풀이는 국립국어원 「한국어기초사전」(krdict.korean.go.kr)을 참고하여 작성했습니다. ② 제2부의 문항은 제91회·제96회·제102회 TOPIK II 공개 기출문제의 유형·지시문·오답 설계 원리를 분석하여 그 틀에 맞추어 새로 만든 연습 문항입니다. ③ 문항 속 지명·기관명은 실제 시험과 같은 방식으로 가상의 도시 '인주시' 체계를 사용하며, 인명 또한 가상의 이름입니다. ④ 이 책의 뮤직비디오 제작과 편집·삽화·안내문 작성에는 생성형 AI를 활용했으며, 최종 검수와 책임은 지은이에게 있습니다.

Ghi chú — ① Nghĩa của từ vựng và ngữ pháp được biên soạn dựa theo "Từ điển tiếng Hàn cơ bản" của Viện Quốc ngữ Quốc gia Hàn Quốc. ② Các câu hỏi ở Phần 2 là câu luyện tập được soạn mới theo đúng khung đó, sau khi phân tích dạng câu hỏi, câu lệnh và cách thiết kế phương án nhiễu của các đề TOPIK II đã công bố (kỳ 91, 96 và 102). ③ Tên địa danh và cơ quan trong đề bài theo hệ thống thành phố hư cấu "thành phố Inju" giống như đề thi thật, tên người cũng là hư cấu. ④ Quá trình biên soạn cuốn sách có sử dụng trí tuệ nhân tạo tạo sinh; khâu rà soát cuối cùng và trách nhiệm thuộc về tác giả.

뮤직비디오 「사계절」 소개

Giới thiệu music video “Bốn mùa”

이 책의 모든 학습은 이 한 편의 뮤직비디오에서 시작됩니다



뮤직비디오 「사계절」(발라드 버전)의 주인공 · Nhân vật chính của “Bốn mùa”

곡명 사계절 (발라드 버전) | **노랫말** 에픽21 (EPIC21)

주제 계절의 순환에 빗댄 사랑과 이별, 그리고 그리움

“Bốn mùa” (phiên bản ballad) — tình yêu, chia ly và nỗi nhớ, kể qua vòng xoay của các mùa.

뮤직비디오 바로 보기 · Xem music video

QR을 찍거나 아래 주소로 접속하세요. 듣기 문항은 모두 이 영상으로 풉니다.

Hãy quét mã QR hoặc mở đường dẫn bên dưới. Toàn bộ câu hỏi nghe đều được giải bằng chính video này.

https://youtu.be/tnn9w5ynbWc

이 책의 사용법 · Cách sử dụng cuốn sách này

- **듣는다** — 뮤직비디오를 자막 없이 두세 번 듣고, 들리는 만큼만 따라 불러 봅니다. Nghe hai ba lần không phụ đề, nghe được đến đâu thì hát theo đến đó.
- **익힌다** — 제1부에서 가사·발음·형태소·문법을 익히고 다시 들으면, 안 들리던 소리가 들립니다. Học xong Phần 1 rồi nghe lại, những âm trước đây không nghe ra sẽ bắt đầu hiện lên.
- **푼다** — 제2부 듣기는 영상을 들으며, 읽기는 지문을 읽으며 풉니다. 틀린 문항은 부록의 상세 해설과 팁으로 정리합니다. Giải Phần 2, sau đó ôn lại bằng phần giải thích chi tiết và các mẹo làm bài.
- **반복한다** — 색인으로 문법·어휘를 복습하고, 출퇴근길에는 뮤직비디오만 다시 들어도 복습이 됩니다. Ôn lại bằng bảng tra cuối sách — hoặc chỉ cần nghe lại video trên đường đi làm cũng đã là ôn tập.

이 책은 '싱글 앨범형' 교재입니다. 노래 한 곡이 곧 한 권 — 제1편은 노래 학습과 TOPIK II 유형 입문에 집중하고, 편이 거듭될수록 여러분의 실전 문제 은행이 쌓여 갑니다.

Đây là cuốn sách theo kiểu "đĩa đơn": một bài hát là trọn một tập. Tập 1 tập trung vào việc học bài hát và làm quen với toàn bộ các dạng câu hỏi TOPIK II — và càng nhiều tập, ngân hàng đề luyện tập của bạn càng dày thêm.

1주 학습 플랜 · Kế hoạch học trong một tuần

날	할 일
1일	뮤직비디오 2~3회 듣기 → 워밍업 '들으며 빈칸 채우기' Nghe hai đến ba lần, rồi làm bài chép chính tả khởi động.
2일	제1장 가사·번역 + 제2장 발음, 소리 내어 따라 부르기 Lời bài hát và phát âm — hát theo thành tiếng.
3일	제3장 형태소 분석 1~11번 문장 Phân tích hình vị, câu 1–11.
4일	제3장 12~22번 + 제4장 시험 연계표 Câu 12–22 và bảng liên kết với đề thi.
5일	듣기 10문항 풀기 → 채점 → 해설·팁 정독 Giải phần nghe 1–10, rồi đối chiếu đáp án với phần giải thích.
6일	읽기 1~15번 → 채점 → 해설 + 오답 노트 Phần đọc 1–15, giải thích và sổ ghi lỗi sai.
7일	읽기 16~30번 → 자가 진단표 → 색인으로 총복습 Phần đọc 16–30, tự đánh giá, ôn tổng hợp bằng bảng tra.

차례

Mục lục

머리에

Trước khi bắt đầu

제1부 노래 · 가사 학습

Phần 1 · Học bài hát

제2부 유형별 TOPIK II 대표 문항 모의고사

Phần 2 · Đề thi thử TOPIK II theo từng dạng

문화 노트 한국인의 사계절
Ghi chú văn hóa · Bốn mùa trong đời sống người Hàn

부록
Phụ lục

제 1 부

노래 · 가사 학습

Phần 1 · Học bài hát

가사 전문 → 발음 → 형태소 분석과 뜻풀이 → 핵심 문법
노래 한 곡이 그대로 한 권의 문법책이 됩니다.

워밍업 — 들으며 빈칸 채우기

Khởi động · Nghe và điền vào chỗ trống

가사를 보기 전에! 뮤직비디오를 들으며 ①~⑫에 들리는 말을 써 보세요 · 정답은 다음 장(제1장)에서 확인합니다

먼저 듣고, 그다음에 확인하세요.

몇 번을 반복해도 좋습니다. 다 채운 뒤 제1장 가사와 비교하면, 내가 놓친 소리가 무엇인지 보입니다.

Hãy nghe trước, kiểm tra sau. Lặp lại bao nhiêu lần cũng được — điền xong rồi đối chiếu với lời bài hát đầy đủ ở Chương 1, bạn sẽ thấy rõ mình đã bỏ sót đúng những âm nào.

https://youtu.be/tnn9w5ynbWc

여름이 가고 ___①___ 이 오고 있어요.
사랑이 끝난 후에 ___②___ 이 찾아오네요.
가을이 오고 여름이 가고 있어요.
그리움을 안 후에 뜨거움이 ___③___ 가요.
겨울이 가고 봄이 오고 있어요.
이별이 끝난 후에 ___④___ 이 찾아오네요.
봄이 오고 겨울이 가고 있어요.
설렘을 안 후에 슬픔이 ___⑤___ 가요.
사랑이 쓸쓸함을 ___⑥___ 놓는 것이지
어찌 그립다고 새로운 사랑을 시작하나요?
이별이 두려움을 ___⑦___ 놓는 것이지
어찌 잊고 싶다고 그 사랑이 ___⑧___ 나요?
가을이 오고 또 다시 겨울이 오네요.
그리움이 깊어 ___⑨___ 그대가 보고 싶어요.
봄이 오고 또 다시 여름이 오네요.
새로운 사랑이 ___⑩___ 갈수록 더 보고 싶어요.
어떻게 외로운 날 두고 사랑이 ___⑪___ 수 있나요?
어찌 가을이 오고 여름이 갈 수 있나요?
어떻게 새로운 ___⑫___ 으로 그대를 잊을 수 있나요?
어찌 봄이 오고 겨울이 갈 수 있나요?
사랑이 쓸쓸함을 남겨 놓는 것이지
어찌 잊고 싶다고 그 사랑이 지워지나요?

정답 ① 가을 ② 쓸쓸함 ③ 식어 ④ 두근거림 ⑤ 사라져 ⑥ 남겨 ⑦ 새겨 ⑧ 지워지 ⑨ 갈수록 ⑩ 깊어 ⑪ 떠나갈 ⑫ 사랑

제1장 노래 가사 「사계절」

Chương 1 · Lời bài hát

발라드 버전 · 노랫말 에픽21 (EPIC21)

1절 — 계절이 바뀌다

Đoạn 1 · Các mùa xoay vần

여름이 가고 가을이 오고 있어요.

Mùa hè đang đi qua, và mùa thu đang tới.

사랑이 끝난 후에 쓸쓸함이 찾아오네요.

Sau khi tình yêu kết thúc, nỗi quạnh quẽ tìm đến gõ cửa.

가을이 오고 여름이 가고 있어요.

Mùa thu đang tới, và mùa hè lặng lẽ đi qua.

그리움을 안 후에 뜨거움이 식어 가요.

Sau khi ôm lấy nỗi nhớ này, hơi ấm cứ nguội dần đi.

겨울이 가고 봄이 오고 있어요.

Mùa đông đang đi qua, và mùa xuân đang tới.

이별이 끝난 후에 두근거림이 찾아오네요.

Sau khi cuộc chia ly kết thúc, nhịp tim rộn ràng tìm đến gõ cửa.

봄이 오고 겨울이 가고 있어요.

Mùa xuân đang tới, và mùa đông lặng lẽ đi qua.

설렘을 안 후에 슬픔이 사라져 가요.

Sau khi ôm lấy nhịp đập ấy, nỗi buồn cứ tan dần đi.

후렴 — 물음

Điệp khúc · Những câu hỏi

사랑이 쓸쓸함을 남겨 놓는 것이지

Tình yêu bao giờ cũng để lại nỗi quạnh quẽ —

어찌 그립다고 새로운 사랑을 시작하나요?

chỉ vì nhớ thôi thì làm sao bắt đầu được một tình yêu mới?

이별이 두려움을 새겨 놓는 것이지

Chia ly bao giờ cũng khắc nỗi sợ vào trong tim —

어찌 잊고 싶다고 그 사랑이 지워지나요?

chỉ vì muốn quên thôi thì làm sao xóa được tình yêu ấy?

2절 — 그리움이 깊어지다

Đoạn 2 · Nỗi nhớ càng thêm sâu

가을이 오고 또 다시 겨울이 오네요.

Mùa thu đến, rồi mùa đông lại đến thêm lần nữa.

그리움이 깊어 갈수록 그대가 보고 싶어요.

Nỗi nhớ càng sâu, tôi lại càng muốn nhìn thấy em.

봄이 오고 또 다시 여름이 오네요.

Mùa xuân đến, rồi mùa hè lại đến thêm lần nữa.

새로운 사랑이 깊어 갈수록 더 보고 싶어요.

Tình yêu mới càng sâu, vậy mà tôi vẫn càng muốn nhìn thấy em.

브리지 — 어찌, 어떻게

Đoạn chuyển · Làm sao, sao có thể

어떻게 외로운 날 두고 사랑이 떠나갈 수 있나요?

Bỏ lại tôi cô đơn thế này, sao tình yêu có thể rời đi?

어찌 가을이 오고 여름이 갈 수 있나요?

Sao mùa thu có thể đến, còn mùa hè cứ thế mà đi?

어떻게 새로운 사랑으로 그대를 잊을 수 있나요?

Bằng một tình yêu mới, sao tôi có thể quên được em?

어찌 봄이 오고 겨울이 갈 수 있나요?

Sao mùa xuân có thể đến, còn mùa đông cứ thế mà đi?

아웃트로

Đoạn kết

사랑이 쓸쓸함을 남겨 놓는 것이지

Tình yêu bao giờ cũng để lại nỗi quạnh quẽ —

어찌 잊고 싶다고 그 사랑이 지워지나요?

chỉ vì muốn quên thôi thì làm sao xóa được tình yêu ấy?

제2장 가사 발음

Chương 2 · Phát âm lời bài hát

위 줄은 표기, 파란 줄은 실제 발음 — 노래를 들으며 소리 내어 따라 읽어 보세요 · Dòng trên là chữ viết, dòng xanh là âm thực tế

여름이 가고 가을이 오고 있어요.
▶ **여르미 가고 가으리 오고 이써요.**

사랑이 끝난 후에 쓸쓸함이 찾아오네요.
▶ **사랑이 끈난 후에 쓸쓸하미 차자오네요.**

가을이 오고 여름이 가고 있어요.
▶ **가으리 오고 여르미 가고 이써요.**

그리움을 안 후에 뜨거움이 식어 가요.
▶ **그리우믈 안 후에 뜨거우미 시거 가요.**

겨울이 가고 봄이 오고 있어요.
▶ **겨우리 가고 보미 오고 이써요.**

이별이 끝난 후에 두근거림이 찾아오네요.
▶ **이벼리 끈난 후에 두근거리미 차자오네요.**

봄이 오고 겨울이 가고 있어요.
▶ **보미 오고 겨우리 가고 이써요.**

설렘을 안 후에 슬픔이 사라져 가요.
▶ **설레믈 안 후에 슬프미 사라저 가요.**

사랑이 쓸쓸함을 남겨 놓는 것이지
▶ **사랑이 쓸쓸하믈 남겨 논는 거시지**

어찌 그립다고 새로운 사랑을 시작하나요?
▶ **어찌 그립따고 새로운 사랑을 시자카나요?**

이별이 두려움을 새겨 놓는 것이지
▶ **이벼리 두려우믈 새겨 논는 거시지**

어찌 잊고 싶다고 그 사랑이 지워지나요?
▶ **어찌 읻꼬 십따고 그 사랑이 지워지나요?**

가을이 오고 또 다시 겨울이 오네요.
▶ **가으리 오고 또 다시 겨우리 오네요.**

그리움이 깊어 갈수록 그대가 보고 싶어요.
▶ 그리우미 기퍼 갈쑤록 그대가 보고 시퍼요.

봄이 오고 또 다시 여름이 오네요.
▶ 보미 오고 또 다시 여르미 오네요.

새로운 사랑이 깊어 갈수록 더 보고 싶어요.
▶ 새로운 사랑이 기퍼 갈쑤록 더 보고 시퍼요.

어떻게 외로운 날 두고 사랑이 떠나갈 수 있나요?
▶ 어떠케 외로운 날 두고 사랑이 떠나갈 쑤 인나요?

어찌 가을이 오고 여름이 갈 수 있나요?
▶ 어찌 가으리 오고 여르미 갈 쑤 인나요?

어떻게 새로운 사랑으로 그대를 잊을 수 있나요?
▶ 어떠케 새로운 사랑으로 그대를 이즐 쑤 인나요?

어찌 봄이 오고 겨울이 갈 수 있나요?
▶ 어찌 보미 오고 겨우리 갈 쑤 인나요?

사랑이 쓸쓸함을 남겨 놓는 것이지
▶ 사랑이 쓸쓸하믈 남겨 논는 거시지

어찌 잊고 싶다고 그 사랑이 지워지나요?
▶ 어찌 읻꼬 십따고 그 사랑이 지워지나요?

제3장 형태소 분석과 뜻풀이

Chương 3 · Phân tích hình vị và giải nghĩa

+ 기호는 형태소의 경계, 괄호는 결합할 때 모양이 바뀌는 부분 · → 뒤는 실제 가사 문장 · Dấu “+” đánh dấu ranh giới hình vị, sau “→” là câu hát thực tế

1. 여름+이 가+고 가을+이 오+[고 있]+어요.

→ 여름이 가고 가을이 오고 있어요.

형태소 Hình vị	뜻풀이 Nghĩa
여름 (명사)	네 계절 중의 하나로 봄과 가을 사이의 더운 계절. mùa hè
이	어떤 상태나 상황의 대상이나 동작의 주체를 나타내는 조사. tiểu từ chỉ chủ thể của hành động hoặc trạng thái
가- (동사)	시간이 지나거나 흐르다. đi; (thời gian hoặc mùa) trôi qua
-고	두 가지 이상의 대등한 사실을 나열할 때 쓰는 연결 어미. đuôi từ nối liệt kê hai hành động hoặc trạng thái trở lên
가을 (명사)	네 계절 중의 하나로 여름과 겨울 사이의 계절. mùa thu
이	어떤 상태나 상황의 대상이나 동작의 주체를 나타내는 조사. tiểu từ chỉ chủ thể của hành động hoặc trạng thái
오- (동사)	어떤 때나 계절 등이 닥치다. đến; (mùa) tới
-고 있-	앞말이 나타내는 행동이 계속 진행됨을 나타내는 표현. diễn tả hành động hoặc biến đổi vẫn đang tiếp diễn
-어요	(두루높임으로) 어떤 사실을 서술하는 종결 어미. đuôi từ kết thúc câu theo lối nói lịch sự

2. 사랑+이 끝나+[ㄴ 후에] 쓸쓸하+ㅁ+이 찾아오+네요.

→ 사랑이 끝난 후에 쓸쓸함이 찾아오네요.

형태소 Hình vị	뜻풀이 Nghĩa
사랑 (명사)	상대에게 성적으로 매력을 느껴 열렬히 좋아하는 마음. tình yêu
이	어떤 상태나 상황의 대상이나 동작의 주체를 나타내는 조사. tiểu từ chỉ chủ thể của hành động hoặc trạng thái
끝나- (동사)	관계가 더 이상 이어지지 않다. kết thúc
-ㄴ 후에	앞에 오는 말이 나타내는 행동을 하고 시간적으로 뒤에 다른 행동을 함을 나타내는 표현. diễn tả việc gì đó xảy ra sau khi hành động phía trước đã kết thúc
쓸쓸하- (형용사)	마음이 외롭고 허전하다. quạnh quẽ, đơn côi
-ㅁ	앞말이 명사의 기능을 하게 하는 어미. đuôi từ biến động từ hoặc tính từ thành danh từ
이	어떤 상태나 상황의 대상이나 동작의 주체를 나타내는 조사. tiểu từ chỉ chủ thể của hành động hoặc trạng thái
찾아오- (동사)	(비유적으로) 어떤 시기가 다시 돌아오다. tìm đến, ghé đến (dùng cả cho cảm xúc)
-네요	(두루높임으로) 말하는 사람이 직접 경험하여 새롭게 알게 된 사실에 대해 감탄함을 나타낼 때 쓰는 표현. đuôi từ bộc lộ cảm xúc trước điều vừa mới nhận ra

3. 가을+이 오+고 여름+이 가+[고 있]+어요.

→ 가을이 오고 여름이 가고 있어요.

형태소 Hình vị	뜻풀이 Nghĩa
가을 (명사)	네 계절 중의 하나로 여름과 겨울 사이의 계절. mùa thu
이	어떤 상태나 상황의 대상이나 동작의 주체를 나타내는 조사. tiểu từ chỉ chủ thể của hành động hoặc trạng thái
오- (동사)	어떤 때나 계절 등이 닥치다. đến; (mùa) tới
-고	두 가지 이상의 대등한 사실을 나열할 때 쓰는 연결 어미. đuôi từ nối liệt kê hai hành động hoặc trạng thái trở lên
여름 (명사)	네 계절 중의 하나로 봄과 가을 사이의 더운 계절. mùa hè
이	어떤 상태나 상황의 대상이나 동작의 주체를 나타내는 조사. tiểu từ chỉ chủ thể của hành động hoặc trạng thái
가- (동사)	시간이 지나거나 흐르다. đi; (thời gian hoặc mùa) trôi qua
-고 있-	앞말이 나타내는 행동이 계속 진행됨을 나타내는 표현. diễn tả hành động hoặc biến đổi vẫn đang tiếp diễn
-어요	(두루높임으로) 어떤 사실을 서술하는 종결 어미. đuôi từ kết thúc câu theo lối nói lịch sự

4. 그리움+을 알(아)+[ㄴ 후에] 뜨겁(뜨거우)+ㅁ+이 식+[어 가]+(아)요.

→ 그리움을 안 후에 뜨거움이 식어 가요.

형태소 Hình vị	뜻풀이 Nghĩa
그리움 (명사)	어떤 대상을 몹시 보고 싶어 하는 안타까운 마음. nỗi nhớ, niềm mong nhớ
을	동작이 직접적으로 영향을 미치는 대상을 나타내는 조사. tiểu từ chỉ đối tượng của hành động
알- (동사)	어떤 심리적인 상태를 마음속으로 깨닫거나 느끼다. biết; (안 후에) sau khi đã biết hoặc đã cảm nhận
-ㄴ 후에	앞에 오는 말이 나타내는 행동을 하고 시간적으로 뒤에 다른 행동을 함을 나타내는 표현. diễn tả việc gì đó xảy ra sau khi hành động phía trước đã kết thúc
뜨겁- (형용사)	(비유적으로) 감정이나 열정 등이 격렬하고 강하다. nóng, nồng nàn (dùng cả cho cảm xúc)
-ㅁ	앞말이 명사의 기능을 하게 하는 어미. đuôi từ biến động từ hoặc tính từ thành danh từ
이	어떤 상태나 상황의 대상이나 동작의 주체를 나타내는 조사. tiểu từ chỉ chủ thể của hành động hoặc trạng thái
식- (동사)	감정이나 느낌 등이 약하게 되다. nguội đi (dùng cả cho cảm xúc)
-어 가-	앞말이 나타내는 행동이나 상태가 계속 진행됨을 나타내는 표현. diễn tả trạng thái hoặc hành động cứ tiến dần theo thời gian
-아요	(두루높임으로) 어떤 사실을 서술하는 종결 어미. đuôi từ kết thúc câu theo lối nói lịch sự

5. 겨울+이 가+고 봄+이 오+[고 있]+어요.

→ 겨울이 가고 봄이 오고 있어요.

형태소 Hình vị	뜻풀이 Nghĩa
겨울 (명사)	네 계절 중의 하나로 가을과 봄 사이의 추운 계절. mùa đông
이	어떤 상태나 상황의 대상이나 동작의 주체를 나타내는 조사. tiểu từ chỉ chủ thể của hành động hoặc trạng thái
가- (동사)	시간이 지나거나 흐르다. đi; (thời gian hoặc mùa) trôi qua
-고	두 가지 이상의 대등한 사실을 나열할 때 쓰는 연결 어미. đuôi từ nối liệt kê hai hành động hoặc trạng thái trở lên
봄 (명사)	네 계절 중의 하나로 겨울과 여름 사이의 계절. mùa xuân
이	어떤 상태나 상황의 대상이나 동작의 주체를 나타내는 조사. tiểu từ chỉ chủ thể của hành động hoặc trạng thái
오- (동사)	어떤 때나 계절 등이 닥치다. đến; (mùa) tới
-고 있-	앞말이 나타내는 행동이 계속 진행됨을 나타내는 표현. diễn tả hành động hoặc biến đổi vẫn đang tiếp diễn
-어요	(두루높임으로) 어떤 사실을 서술하는 종결 어미. đuôi từ kết thúc câu theo lối nói lịch sự

6. 이별+이 끝나+[ㄴ 후에] 두근거리+ㅁ+이 찾아오+네요.

→ 이별이 끝난 후에 두근거림이 찾아오네요.

형태소 Hình vị	뜻풀이 Nghĩa
이별 (명사)	오랫동안 만나지 못하게 떨어져 있거나 헤어짐. sự chia ly
이	어떤 상태나 상황의 대상이나 동작의 주체를 나타내는 조사. tiểu từ chỉ chủ thể của hành động hoặc trạng thái
끝나- (동사)	일이 마지막까지 이루어지다. kết thúc
-ㄴ 후에	앞에 오는 말이 나타내는 행동을 하고 시간적으로 뒤에 다른 행동을 함을 나타내는 표현. diễn tả việc gì đó xảy ra sau khi hành động phía trước đã kết thúc
두근거리- (동사)	놀람, 불안, 기대 등으로 가슴이 자꾸 세고 빠르게 뛰다. (tim) đập rộn ràng
-ㅁ	앞말이 명사의 기능을 하게 하는 어미. đuôi từ biến động từ hoặc tính từ thành danh từ
이	어떤 상태나 상황의 대상이나 동작의 주체를 나타내는 조사. tiểu từ chỉ chủ thể của hành động hoặc trạng thái
찾아오- (동사)	(비유적으로) 어떤 시기가 다시 돌아오다. tìm đến, ghé đến (dùng cả cho cảm xúc)
-네요	(두루높임으로) 말하는 사람이 직접 경험하여 새롭게 알게 된 사실에 대해 감탄함을 나타낼 때 쓰는 표현. đuôi từ bộc lộ cảm xúc trước điều vừa mới nhận ra

7. 봄+이 오+고 겨울+이 가+[고 있]+어요.

→ 봄이 오고 겨울이 가고 있어요.

형태소 Hình vị	뜻풀이 Nghĩa
봄 (명사)	네 계절 중의 하나로 겨울과 여름 사이의 계절. mùa xuân
이	어떤 상태나 상황의 대상이나 동작의 주체를 나타내는 조사. tiểu từ chỉ chủ thể của hành động hoặc trạng thái
오- (동사)	어떤 때나 계절 등이 닥치다. đến; (mùa) tới
-고	두 가지 이상의 대등한 사실을 나열할 때 쓰는 연결 어미. đuôi từ nối liệt kê hai hành động hoặc trạng thái trở lên
겨울 (명사)	네 계절 중의 하나로 가을과 봄 사이의 추운 계절. mùa đông
이	어떤 상태나 상황의 대상이나 동작의 주체를 나타내는 조사. tiểu từ chỉ chủ thể của hành động hoặc trạng thái
가- (동사)	시간이 지나거나 흐르다. đi; (thời gian hoặc mùa) trôi qua
-고 있-	앞말이 나타내는 행동이 계속 진행됨을 나타내는 표현. diễn tả hành động hoặc biến đổi vẫn đang tiếp diễn
-어요	(두루높임으로) 어떤 사실을 서술하는 종결 어미. đuôi từ kết thúc câu theo lối nói lịch sự

8. 설레+ㅁ+을 알(아)+[ㄴ 후에] 슬픔+이 사라지+[어 가]+(아)요.

→ 설렘을 안 후에 슬픔이 사라져 가요.

형태소 Hình vị	뜻풀이 Nghĩa
설레- (동사)	마음이 차분하지 않고 들떠서 두근거리다. (tim) xao xuyến, rộn ràng
-ㅁ	앞말이 명사의 기능을 하게 하는 어미. đuôi từ biến động từ hoặc tính từ thành danh từ
을	동작이 직접적으로 영향을 미치는 대상을 나타내는 조사. tiểu từ chỉ đối tượng của hành động
알- (동사)	어떤 심리적인 상태를 마음속으로 깨닫거나 느끼다. biết; (안 후에) sau khi đã biết hoặc đã cảm nhận
-ㄴ 후에	앞에 오는 말이 나타내는 행동을 하고 시간적으로 뒤에 다른 행동을 함을 나타내는 표현. diễn tả việc gì đó xảy ra sau khi hành động phía trước đã kết thúc
슬픔 (명사)	마음이 아프거나 괴로운 느낌. nỗi buồn
이	어떤 상태나 상황의 대상이나 동작의 주체를 나타내는 조사. tiểu từ chỉ chủ thể của hành động hoặc trạng thái
사라지- (동사)	생각이나 감정 등이 없어지다. biến mất, tan biến
-어 가-	앞말이 나타내는 행동이나 상태가 계속 진행됨을 나타내는 표현. diễn tả trạng thái hoặc hành động cứ tiến dần theo thời gian
-아요	(두루높임으로) 어떤 사실을 서술하는 종결 어미. đuôi từ kết thúc câu theo lối nói lịch sự

9. 사랑+이 쓸쓸하+ㅁ+을 남기+[어 놓]+[는 것]+이+지

→ 사랑이 쓸쓸함을 남겨 놓는 것이지

형태소 Hình vị	뜻풀이 Nghĩa
사랑 (명사)	상대에게 성적으로 매력을 느껴 열렬히 좋아하는 마음. tình yêu
이	어떤 상태나 상황의 대상이나 동작의 주체를 나타내는 조사. tiểu từ chỉ chủ thể của hành động hoặc trạng thái
쓸쓸하- (형용사)	마음이 외롭고 허전하다. quạnh quẽ, đơn côi
-ㅁ	앞말이 명사의 기능을 하게 하는 어미. đuôi từ biến động từ hoặc tính từ thành danh từ
을	동작이 직접적으로 영향을 미치는 대상을 나타내는 조사. tiểu từ chỉ đối tượng của hành động
남기- (동사)	감정이나 기억 등이 없어지지 않고 계속 있게 하다. để lại (thứ gì đó)
-어 놓-	앞말이 나타내는 행동을 끝내고 그 결과를 유지함을 나타내는 표현. diễn tả kết quả của hành động được giữ nguyên như vậy
-는 것	명사가 아닌 것을 문장에서 명사처럼 쓰이게 하며, 사건이나 동작이 현재 일어남을 나타내는 표현 hình thức biến động từ thành cụm danh từ
이-	주어가 지시하는 대상의 속성이나 부류를 지정하는 뜻을 나타내는 서술격 조사. gắn vào danh từ để cho biết một vật là gì
-지	서로 반대되는 사실을 대조적으로 나타내는 연결 어미. đuôi từ chỉ ra và nhấn mạnh một sự thật nào đó

10. 어찌 그립+다고 새롭(새로우)+ㄴ 사랑+을 시작하+나요?

→ 어찌 그립다고 새로운 사랑을 시작하나요?

형태소 Hình vị	뜻풀이 Nghĩa
어찌 (부사)	어떤 방법으로. 또는 어떤 방식으로. sao có thể (lối nói văn chương)
그립- (형용사)	매우 보고 싶고 만나고 싶다. nhớ, mong nhớ
-다고	어떤 행위의 목적, 의도를 나타내거나 어떤 상황의 이유, 원인을 나타내는 연결 어미. dùng để dẫn lại lời nói hoặc suy nghĩ, hoặc để nêu lý do và ý định
새롭- (형용사)	지금까지의 것과 다르거나 있은 적이 없다. mới
-ㄴ	앞말이 관형어의 기능을 하게 만들고 현재의 상태를 나타내는 어미. đuôi từ khiến từ đứng trước bổ nghĩa cho danh từ đứng sau
사랑 (명사)	상대에게 성적으로 매력을 느껴 열렬히 좋아하는 마음. tình yêu
을	동작이 직접적으로 영향을 미치는 대상을 나타내는 조사. tiểu từ chỉ đối tượng của hành động
시작하- (동사)	어떤 일이나 행동의 처음 단계를 이루거나 이루게 하다. bắt đầu
-나요	(두루높임으로) 앞의 내용에 대해 상대방에게 물어볼 때 쓰는 표현. đuôi từ dùng khi hỏi bằng giọng nhẹ nhàng, mềm mỏng

11. 이별+이 두려움+을 새기+[어 놓]+[는 것]+이+지

→ 이별이 두려움을 새겨 놓는 것이지

형태소 Hình vị	뜻풀이 Nghĩa
이별 (명사)	오랫동안 만나지 못하게 떨어져 있거나 헤어짐. sự chia ly
이	어떤 상태나 상황의 대상이나 동작의 주체를 나타내는 조사. tiểu từ chỉ chủ thể của hành động hoặc trạng thái
두려움 (명사)	겁나고 꺼려지는 느낌. nỗi sợ
을	동작이 직접적으로 영향을 미치는 대상을 나타내는 조사. tiểu từ chỉ đối tượng của hành động
새기- (동사)	마음속에 잊지 않도록 깊이 기억하다. khắc, ghi khắc
-어 놓-	앞말이 나타내는 행동을 끝내고 그 결과를 유지함을 나타내는 표현. diễn tả kết quả của hành động được giữ nguyên như vậy
-는 것	명사가 아닌 것을 문장에서 명사처럼 쓰이게 하며, 사건이나 동작이 현재 일어남을 나타내는 표현. hình thức biến động từ thành cụm danh từ
이-	주어가 지시하는 대상의 속성이나 부류를 지정하는 뜻을 나타내는 서술격 조사. gắn vào danh từ để cho biết một vật là gì
-지	서로 반대되는 사실을 대조적으로 나타내는 연결 어미. đuôi từ chỉ ra và nhấn mạnh một sự thật nào đó

12. 어찌 잊+[고 싶]+다고 그 사랑+이 지우+[어지]+나요?

→ 어찌 잊고 싶다고 그 사랑이 지워지나요?

형태소 Hình vị	뜻풀이 Nghĩa
어찌 (부사)	어떤 방법으로. 또는 어떤 방식으로. sao có thể (lối nói văn chương)
잊- (동사)	한번 알았던 것을 기억하지 못하거나 기억해 내지 못하다. quên
-고 싶-	앞말이 나타내는 행동을 하기를 원함을 나타내는 표현. diễn tả mong muốn làm việc gì đó
-다고	어떤 행위의 목적, 의도를 나타내거나 어떤 상황의 이유, 원인을 나타내는 연결 어미. dùng để dẫn lại lời nói hoặc suy nghĩ, hoặc để nêu lý do và ý định
그 (관형사)	앞에서 이미 이야기한 대상을 가리킬 때 쓰는 말. ấy, đó (điều đã nhắc tới)
사랑 (명사)	상대에게 성적으로 매력을 느껴 열렬히 좋아하는 마음. tình yêu
이	어떤 상태나 상황의 대상이나 동작의 주체를 나타내는 조사. tiểu từ chỉ chủ thể của hành động hoặc trạng thái
지우- (동사)	생각이나 기억을 없애거나 잊다. xóa
-어지-	앞에 오는 말이 나타내는 행동을 남이나 다른 힘에 의해 당함을 나타내는 표현. diễn tả điều gì đó trở nên như thế do một tác động khác
-나요	(두루높임으로) 앞의 내용에 대해 상대방에게 물어볼 때 쓰는 표현. đuôi từ dùng khi hỏi bằng giọng nhẹ nhàng, mềm mỏng

13. 가을+이 오+고 또 다시 겨울+이 오+네요.

→ 가을이 오고 또 다시 겨울이 오네요.

형태소 Hình vị	뜻풀이 Nghĩa
가을 (명사)	네 계절 중의 하나로 여름과 겨울 사이의 계절. mùa thu
이	어떤 상태나 상황의 대상이나 동작의 주체를 나타내는 조사. tiểu từ chỉ chủ thể của hành động hoặc trạng thái
오- (동사)	어떤 때나 계절 등이 닥치다. đến; (mùa) tới
-고	두 가지 이상의 대등한 사실을 나열할 때 쓰는 연결 어미. đuôi từ nối liệt kê hai hành động hoặc trạng thái trở lên
또 (부사)	어떤 일이나 행동이 다시. lại, thêm một lần nữa
다시 (부사)	같은 말이나 행동을 반복해서 또. lại, một lần nữa
겨울 (명사)	네 계절 중의 하나로 가을과 봄 사이의 추운 계절. mùa đông
이	어떤 상태나 상황의 대상이나 동작의 주체를 나타내는 조사. tiểu từ chỉ chủ thể của hành động hoặc trạng thái
오- (동사)	어떤 때나 계절 등이 닥치다. đến; (mùa) tới
-네요	(두루높임으로) 말하는 사람이 직접 경험하여 새롭게 알게 된 사실에 대해 감탄함을 나타낼 때 쓰는 표현. đuôi từ bộc lộ cảm xúc trước điều vừa mới nhận ra

14. 그리움+이 깊+[어 가]+ㄹ수록 그대+가 보+[고 싶]+어요.

→ 그리움이 깊어 갈수록 그대가 보고 싶어요.

형태소 Hình vị	뜻풀이 Nghĩa
그리움 (명사)	어떤 대상을 몹시 보고 싶어 하는 안타까운 마음. nỗi nhớ, niềm mong nhớ
이	어떤 상태나 상황의 대상이나 동작의 주체를 나타내는 조사. tiểu từ chỉ chủ thể của hành động hoặc trạng thái
깊- (형용사)	수준이 높거나 정도가 심하다. sâu
-어 가-	앞말이 나타내는 행동이나 상태가 계속 진행됨을 나타내는 표현. diễn tả trạng thái hoặc hành động cứ tiến dần theo thời gian
-ㄹ수록	앞말이 나타내는 정도가 심해지면 뒤의 말이 나타내는 내용의 정도도 그에 따라 변함을 나타내는 연결 어미. diễn tả rằng vế trước càng sâu đậm thì vế sau cũng biến đổi theo
그대 (대명사)	(친근하게 이르는 말로) 글에서 상대방을 가리키는 말. em, người thương (cách nói thi ca)
가	어떤 상태나 상황에 놓인 대상이나 동작의 주체를 나타내는 조사. tiểu từ chỉ chủ thể của hành động hoặc trạng thái
보- (동사)	사람을 만나다. nhìn; (보고 싶다) nhớ một ai đó
-고 싶-	앞말이 나타내는 행동을 하기를 원함을 나타내는 표현. diễn tả mong muốn làm việc gì đó
-어요	(두루높임으로) 어떤 사실을 서술하는 종결 어미. đuôi từ kết thúc câu theo lối nói lịch sự

15. 봄+이 오+고 또 다시 여름+이 오+네요.

→ 봄이 오고 또 다시 여름이 오네요.

형태소 Hình vị	뜻풀이 Nghĩa
봄 (명사)	네 계절 중의 하나로 겨울과 여름 사이의 계절. mùa xuân
이	어떤 상태나 상황의 대상이나 동작의 주체를 나타내는 조사. tiểu từ chỉ chủ thể của hành động hoặc trạng thái
오- (동사)	어떤 때나 계절 등이 닥치다. đến; (mùa) tới
-고	두 가지 이상의 대등한 사실을 나열할 때 쓰는 연결 어미. đuôi từ nối liệt kê hai hành động hoặc trạng thái trở lên
또 (부사)	어떤 일이나 행동이 다시. lại, thêm một lần nữa
다시 (부사)	같은 말이나 행동을 반복해서 또. lại, một lần nữa
여름 (명사)	네 계절 중의 하나로 봄과 가을 사이의 더운 계절. mùa hè
이	어떤 상태나 상황의 대상이나 동작의 주체를 나타내는 조사. tiểu từ chỉ chủ thể của hành động hoặc trạng thái
오- (동사)	어떤 때나 계절 등이 닥치다. đến; (mùa) tới
-네요	(두루높임으로) 말하는 사람이 직접 경험하여 새롭게 알게 된 사실에 대해 감탄함을 나타낼 때 쓰는 표현. đuôi từ bộc lộ cảm xúc trước điều vừa mới nhận ra

16. 새롭(새로우)+ㄴ 사랑+이 깊+[어 가]+ㄹ수록 더 보+[고 싶]+어요.

→ 새로운 사랑이 깊어 갈수록 더 보고 싶어요.

형태소 Hình vị	뜻풀이 Nghĩa
새롭- (형용사)	지금까지의 것과 다르거나 있은 적이 없다. mới
-ㄴ	앞말이 관형어의 기능을 하게 만들고 현재의 상태를 나타내는 어미. đuôi từ khiến từ đứng trước bổ nghĩa cho danh từ đứng sau
사랑 (명사)	상대에게 성적으로 매력을 느껴 열렬히 좋아하는 마음. tình yêu
이	어떤 상태나 상황의 대상이나 동작의 주체를 나타내는 조사. tiểu từ chỉ chủ thể của hành động hoặc trạng thái
깊- (형용사)	수준이 높거나 정도가 심하다. sâu
-어 가-	앞말이 나타내는 행동이나 상태가 계속 진행됨을 나타내는 표현. diễn tả trạng thái hoặc hành động cứ tiến dần theo thời gian
-ㄹ수록	앞말이 나타내는 정도가 심해지면 뒤의 말이 나타내는 내용의 정도도 그에 따라 변함을 나타내는 연결 어미. diễn tả rằng vế trước càng sâu đậm thì vế sau cũng biến đổi theo
더 (부사)	보태어 계속해서. hơn nữa
보- (동사)	사람을 만나다. nhìn; (보고 싶다) nhớ một ai đó
-고 싶-	앞말이 나타내는 행동을 하기를 원함을 나타내는 표현. diễn tả mong muốn làm việc gì đó
-어요	(두루높임으로) 어떤 사실을 서술하는 종결 어미. đuôi từ kết thúc câu theo lối nói lịch sự

17. 어떻게 외롭(외로우)+ㄴ 나+를 두+고 사랑+이 떠나가+[ㄹ 수 있]+나요?

→ 어떻게 외로운 날 두고 사랑이 떠나갈 수 있나요?

형태소 Hình vị	뜻풀이 Nghĩa
어떻게 (부사)	어떤 이유로. làm sao, bằng cách nào
외롭- (형용사)	혼자가 되거나 의지할 데가 없어서 쓸쓸하다. cô đơn
-ㄴ	앞말이 관형어의 기능을 하게 만들고 현재의 상태를 나타내는 어미. đuôi từ khiến từ đứng trước bổ nghĩa cho danh từ đứng sau
나 (대명사)	말하는 사람이 친구나 아랫사람에게 자기를 가리키는 말. tôi
를	동작이 직접적으로 영향을 미치는 대상을 나타내는 조사. tiểu từ chỉ đối tượng của hành động
두- (동사)	가져가거나 데려가지 않고 남기거나 버리다. đặt, để nguyên như vậy
-고	앞말이 나타내는 행동이나 그 결과가 뒤에 오는 행동이 일어나는 동안에 그대로 지속됨을 나타내는 연결 어미. đuôi từ nối liệt kê hai hành động hoặc trạng thái trở lên
사랑 (명사)	많이 좋아하고 아끼는 사람. tình yêu
이	어떤 상태나 상황의 대상이나 동작의 주체를 나타내는 조사. tiểu từ chỉ chủ thể của hành động hoặc trạng thái
떠나가- (동사)	있던 곳을 떠나 다른 곳으로 옮겨 가다. rời đi, xa dần
-ㄹ 수 있-	어떤 행동이나 상태가 가능함을 나타내는 표현. diễn tả điều gì đó là có thể
-나요	(두루높임으로) 앞의 내용에 대해 상대방에게 물어볼 때 쓰는 표현. đuôi từ dùng khi hỏi bằng giọng nhẹ nhàng, mềm mỏng

18. 어찌 가을+이 오+고 여름+이 가+[ㄹ 수 있]+나요?

→ 어찌 가을이 오고 여름이 갈 수 있나요?

형태소 Hình vị	뜻풀이 Nghĩa
어찌 (부사)	어떤 방법으로. 또는 어떤 방식으로. sao có thể (lối nói văn chương)
가을 (명사)	네 계절 중의 하나로 여름과 겨울 사이의 계절. mùa thu
이	어떤 상태나 상황의 대상이나 동작의 주체를 나타내는 조사. tiểu từ chỉ chủ thể của hành động hoặc trạng thái
오- (동사)	어떤 때나 계절 등이 닥치다. đến; (mùa) tới
-고	두 가지 이상의 대등한 사실을 나열할 때 쓰는 연결 어미. đuôi từ nối liệt kê hai hành động hoặc trạng thái trở lên
여름 (명사)	네 계절 중의 하나로 봄과 가을 사이의 더운 계절. mùa hè
이	어떤 상태나 상황의 대상이나 동작의 주체를 나타내는 조사. tiểu từ chỉ chủ thể của hành động hoặc trạng thái
가- (동사)	시간이 지나거나 흐르다. đi; (thời gian hoặc mùa) trôi qua
-ㄹ 수 있-	어떤 행동이나 상태가 가능함을 나타내는 표현. diễn tả điều gì đó là có thể
-나요	(두루높임으로) 앞의 내용에 대해 상대방에게 물어볼 때 쓰는 표현. đuôi từ dùng khi hỏi bằng giọng nhẹ nhàng, mềm mỏng

19. 어떻게 새롭(새로우)+ㄴ 사랑+으로 그대+를 잊+[을 수 있]+나요?

→ 어떻게 새로운 사랑으로 그대를 잊을 수 있나요?

형태소 Hình vị	뜻풀이 Nghĩa
어떻게 (부사)	어떤 방법으로. 또는 어떤 방식으로. làm sao, bằng cách nào
새롭- (형용사)	지금까지의 것과 다르거나 있은 적이 없다. mới
-ㄴ	앞말이 관형어의 기능을 하게 만들고 현재의 상태를 나타내는 어미. đuôi từ khiến từ đứng trước bổ nghĩa cho danh từ đứng sau
사랑 (명사)	많이 좋아하고 아끼는 사람. tình yêu
으로	어떤 일의 수단이나 도구를 나타내는 조사. tiểu từ chỉ phương tiện, công cụ hoặc phương hướng
그대 (대명사)	(친근하게 이르는 말로) 글에서 상대방을 가리키는 말. em, người thương (cách nói thi ca)
를	동작이 직접적으로 영향을 미치는 대상을 나타내는 조사. tiểu từ chỉ đối tượng của hành động
잊- (동사)	한번 알았던 것을 기억하지 못하거나 기억해 내지 못하다. quên
-을 수 있-	어떤 행동이나 상태가 가능함을 나타내는 표현. diễn tả điều gì đó là có thể
-나요	(두루높임으로) 앞의 내용에 대해 상대방에게 물어볼 때 쓰는 표현. đuôi từ dùng khi hỏi bằng giọng nhẹ nhàng, mềm mỏng

20. 어찌 봄+이 오+고 겨울+이 가+[ㄹ 수 있]+나요?

→ 어찌 봄이 오고 겨울이 갈 수 있나요?

형태소 Hình vị	뜻풀이 Nghĩa
어찌 (부사)	어떤 방법으로. 또는 어떤 방식으로. sao có thể (lối nói văn chương)
봄 (명사)	네 계절 중의 하나로 겨울과 여름 사이의 계절. mùa xuân
이	어떤 상태나 상황의 대상이나 동작의 주체를 나타내는 조사. tiểu từ chỉ chủ thể của hành động hoặc trạng thái
오- (동사)	어떤 때나 계절 등이 닥치다. đến; (mùa) tới
-고	두 가지 이상의 대등한 사실을 나열할 때 쓰는 연결 어미. đuôi từ nối liệt kê hai hành động hoặc trạng thái trở lên
겨울 (명사)	네 계절 중의 하나로 가을과 봄 사이의 추운 계절. mùa đông
이	어떤 상태나 상황의 대상이나 동작의 주체를 나타내는 조사. tiểu từ chỉ chủ thể của hành động hoặc trạng thái
가- (동사)	시간이 지나거나 흐르다. đi; (thời gian hoặc mùa) trôi qua
-ㄹ 수 있-	어떤 행동이나 상태가 가능함을 나타내는 표현. diễn tả điều gì đó là có thể
-나요	(두루높임으로) 앞의 내용에 대해 상대방에게 물어볼 때 쓰는 표현. đuôi từ dùng khi hỏi bằng giọng nhẹ nhàng, mềm mỏng

21. 사랑+이 쓸쓸하+ㅁ+을 남기+[어 놓]+[는 것]+이+지

→ 사랑이 쓸쓸함을 남겨 놓는 것이지

형태소 Hình vị	뜻풀이 Nghĩa
사랑 (명사)	상대에게 성적으로 매력을 느껴 열렬히 좋아하는 마음. tình yêu
이	어떤 상태나 상황의 대상이나 동작의 주체를 나타내는 조사. tiểu từ chỉ chủ thể của hành động hoặc trạng thái
쓸쓸하- (형용사)	마음이 외롭고 허전하다. quạnh quẽ, đơn côi
-ㅁ	앞말이 명사의 기능을 하게 하는 어미. đuôi từ biến động từ hoặc tính từ thành danh từ
을	동작이 직접적으로 영향을 미치는 대상을 나타내는 조사. tiểu từ chỉ đối tượng của hành động
남기- (동사)	감정이나 기억 등이 없어지지 않고 계속 있게 하다. để lại (thứ gì đó)
-어 놓-	앞말이 나타내는 행동을 끝내고 그 결과를 유지함을 나타내는 표현. diễn tả kết quả của hành động được giữ nguyên như vậy
-는 것	명사가 아닌 것을 문장에서 명사처럼 쓰이게 하며, 사건이나 동작이 현재 일어남을 나타내는 표현. hình thức biến động từ thành cụm danh từ
이-	주어가 지시하는 대상의 속성이나 부류를 지정하는 뜻을 나타내는 서술격 조사. gắn vào danh từ để cho biết một vật là gì
-지	서로 반대되는 사실을 대조적으로 나타내는 연결 어미. đuôi từ chỉ ra và nhấn mạnh một sự thật nào đó

22. 어찌 잊+[고 싶]+다고 그 사랑+이 지우+[어지]+나요?

→ 어찌 잊고 싶다고 그 사랑이 지워지나요?

형태소 Hình vị	뜻풀이 Nghĩa
어찌 (부사)	어떤 방법으로. 또는 어떤 방식으로. sao có thể (lối nói văn chương)
잊- (동사)	한번 알았던 것을 기억하지 못하거나 기억해 내지 못하다. quên
-고 싶-	앞말이 나타내는 행동을 하기를 원함을 나타내는 표현. diễn tả mong muốn làm việc gì đó
-다고	어떤 행위의 목적, 의도를 나타내거나 어떤 상황의 이유, 원인을 나타내는 연결 어미. dùng để dẫn lại lời nói hoặc suy nghĩ, hoặc để nêu lý do và ý định
그 (관형사)	앞에서 이미 이야기한 대상을 가리킬 때 쓰는 말. ấy, đó (điều đã nhắc tới)
사랑 (명사)	상대에게 성적으로 매력을 느껴 열렬히 좋아하는 마음. tình yêu
이	어떤 상태나 상황의 대상이나 동작의 주체를 나타내는 조사. tiểu từ chỉ chủ thể của hành động hoặc trạng thái
지우- (동사)	생각이나 기억을 없애거나 잊다. xóa
-어지-	앞에 오는 말이 나타내는 행동을 남이나 다른 힘에 의해 당함을 나타내는 표현. diễn tả điều gì đó trở nên như thế do một tác động khác
-나요	(두루높임으로) 앞의 내용에 대해 상대방에게 물어볼 때 쓰는 표현. đuôi từ dùng khi hỏi bằng giọng nhẹ nhàng, mềm mỏng

제4장 핵심 문법 정리와 시험 연계표

Chương 4 · Ngữ pháp trọng tâm và bảng liên kết với đề thi

가사에 쓰인 문법이 제2부의 어느 문항에서 출제되는지 한눈에 · 문법의 영어 뜻은 부록의 문법 색인에 있습니다

문법 Ngữ pháp	의미 Nghĩa	가사 속 예 Ví dụ trong lời bài hát	제2부 연계 Câu hỏi liên quan
-고 있다	행동·변화가 계속 진행됨	가을이 오고 있어요	듣기 1번
-(으)ㄴ 후에	앞의 일이 끝난 다음에	사랑이 끝난 후에	듣기 2번 · 읽기 2번 · 읽기 7번
-(으)ㅁ	동사·형용사를 명사로 만듦	쓸쓸함, 설렘, 뜨거움	듣기 2번
-어 가다	상태·행동이 계속 진행되어 감	식어 가요, 깊어 가다	듣기 3번 · 읽기 1번
-어 놓다	행동의 결과를 그대로 유지함	남겨 놓는, 새겨 놓는	읽기 23번
-(으)ㄹ수록	앞의 정도에 따라 뒤의 정도도 변함	깊어 갈수록	듣기 3번 · 읽기 1번
-(으)ㄹ 수 있다	가능함	떠나갈 수 있나요	듣기 10번
-어지다	다른 힘에 의해 그렇게 됨(피동)	지워지나요	듣기 4번 · 듣기 10번
-고 싶다	하기를 원함	보고 싶어요, 잊고 싶다고	듣기 3번
-네요	새로 알게 된 사실에 대한 감탄	찾아오네요, 오네요	듣기 2번
-나요	부드럽게 물어봄	시작하나요, 있나요	듣기 10번
-다고	이유·의도, 인용	그립다고, 잊고 싶다고	듣기 5번

※ 표의 ‘제2부 연계’ 문항을 풀 때 이 표로 돌아와 확인하면, 가사 속 문법이 시험 문법으로 연결되는 감각이 생깁니다.

Khi gặp câu hỏi liên quan ở Phần 2, hãy quay lại bảng này — lúc đó bạn sẽ cảm nhận được ngữ pháp trong bài hát đang trở thành ngữ pháp trong đề thi.

제 2 부

유형별 TOPIK II
대표 문항 모의고사

Phần 2 · Đề thi thử TOPIK II theo từng dạng

듣기 10문항 — 뮤직비디오 「사계절」을 들으며 풉니다
읽기 30문항 — 기출 유형의 틀 그대로, 계절·사랑·그리움의 소재로
전 문항 4지선다 · 각 2점

듣기 (1번 ~ 10번)

Nghe · câu 1–10

뮤직비디오 기반 · TOPIK II 듣기 유형 적용

※ [1~10] 뮤직비디오 「사계절」을 들으며 물음에 답하십시오. (각 2점)

Hãy nghe music video “Bốn mùa” và trả lời các câu hỏi. Trước tiên hãy đọc hết đề, sau đó nghe bao nhiêu lần tùy ý.

문항을 먼저 모두 읽은 뒤 노래를 들으세요. 몇 번이든 반복해서 들어도 좋습니다. 별도의 듣기 음원은 없으며, 모든 문항은 이 영상 하나로 풉니다.

https://youtu.be/tnn9w5ynbWc

TOPIK II 듣기 1~3번(정보 파악) 유형 적용

1 **노래의 앞부분(1절)에서 계절이 처음 언급되는 순서로 알맞은 것을 고르십시오.**

Hãy chọn thứ tự các mùa được nhắc đến lần đầu trong đoạn 1.

① 봄 → 여름 → 가을 → 겨울

② 여름 → 가을 → 겨울 → 봄

③ 가을 → 여름 → 봄 → 겨울

④ 여름 → 겨울 → 가을 → 봄

TOPIK II 듣기 4~8번(이어질 말) 유형 적용

2 **다음 소절에 이어질 가사로 알맞은 것을 고르십시오.**

Hãy chọn câu hát tiếp theo.

“사랑이 끝난 후에 _______.”

① 두근거림이 찾아오네요

② 뜨거움이 식어 가요

③ 그대가 보고 싶어요

④ 쓸쓸함이 찾아오네요

TOPIK II 듣기 4~8번(이어질 말) 유형 적용

3 **다음 소절에 이어질 가사로 알맞은 것을 고르십시오.**

Hãy chọn câu hát tiếp theo.

“그리움이 깊어 갈수록 _______.”

① 그대가 보고 싶어요

② 더 보고 싶어요

③ 슬픔이 사라져 가요

④ 두려움을 새겨 놓아요

TOPIK II 듣기 13~16번(내용 일치) 유형 적용

4 **노래의 내용과 같은 것을 고르십시오.**

Hãy chọn phương án phù hợp với nội dung bài hát.

① 화자의 그리움은 시간이 갈수록 옅어지고 있다.

② 화자는 옛사랑이 쉽게 지워진다고 말하고 있다.

③ 화자는 사랑이 끝난 후에 쓸쓸함을 느끼고 있다.

④ 화자는 계절이 바뀌는 것을 기뻐하고 있다.

TOPIK II 듣기 세부 내용 파악 유형 적용

5 **화자가 노래에서 묻고 있는 것이 아닌 것을 고르십시오.**

Hãy chọn điều duy nhất mà người hát không hỏi.

① 언제 그대를 다시 만날 수 있는지

② 어떻게 사랑이 외로운 자신을 두고 떠나갈 수 있는지

③ 어떻게 새로운 사랑으로 그대를 잊을 수 있는지

④ 잊고 싶다고 해서 그 사랑이 지워지는지

TOPIK II 읽기 23번(심정)·듣기 응용

6 **이 노래에 나타난 화자의 심정으로 가장 알맞은 것을 고르십시오.**

Hãy chọn phương án diễn tả đúng nhất tâm trạng của người nói.

① 홀가분하고 시원하다

② 부럽고 샘이 난다

③ 무섭고 불안하다

④ 그립고 쓸쓸하다

TOPIK II 듣기 17~20번(중심 생각) 유형 적용

7 **이 노래의 중심 생각으로 가장 알맞은 것을 고르십시오.**

Hãy chọn ý chính.

① 이별 후에는 서둘러 새로운 사랑을 시작해야 한다.

② 계절이 바뀌어도 지나간 사랑에 대한 그리움은 쉽게 지워지지 않는다.

③ 시간이 지나면 모든 사랑은 완전히 잊힌다.

④ 계절의 변화는 사람의 감정과 아무 관계가 없다.

TOPIK II 듣기 45~46번(말하는 방식) 유형 적용

8 **이 노래의 표현 방식으로 가장 알맞은 것을 고르십시오.**

Hãy chọn phương án diễn tả đúng nhất cách thể hiện của bài hát.

① 구체적인 수치를 들어 상황을 설명하고 있다.

② 두 인물의 대화를 통해 이야기를 전개하고 있다.

③ 계절의 변화에 빗대어 사랑과 이별의 감정을 표현하고 있다.

④ 명령하는 말투로 듣는 사람의 행동을 요구하고 있다.

TOPIK II 듣기 41~42번(의미 추론) 유형 적용

9 **“가을이 오고 여름이 가고 있어요”가 이 노래에서 의미하는 것으로 가장 알맞은 것을 고르십시오.**

Hãy chọn điều mà câu hát được trích dẫn muốn nói trong bài này.

① 시간이 흐르면서 마음의 상태도 변해 가고 있다.

② 날씨가 추워져서 건강이 걱정된다.

③ 여행을 떠나기 좋은 계절이 되었다.

④ 한 해의 농사를 마무리할 때가 되었다.

TOPIK II 듣기 담화 기능 파악 유형 적용

10 **후렴에서 화자가 “어찌/어떻게 ~(으)ㄹ 수 있나요?”라는 물음을 반복하는 이유로 가장 알맞은 것을 고르십시오.**

Hãy chọn lý do phù hợp nhất khiến câu hỏi ấy được lặp lại trong điệp khúc.

① 듣는 사람의 대답을 꼭 듣고 싶어서

② 이별을 받아들이기 어려운 마음을 강조하려고

③ 계절에 대한 지식을 알려 주려고

④ 새로운 사랑을 시작하라고 권하려고

읽기 (1번 ~ 30번)

Đọc · câu 1–30

1~19번 기출 유형 · 20~30번은 듣기 유형의 지문형 전환 문항

TOPIK II 읽기 1~2번 유형 · 문법 빈칸

※ [1] ( )에 들어갈 말로 가장 알맞은 것을 고르십시오. (각 2점)

Hãy chọn từ hoặc cụm từ phù hợp nhất để điền vào chỗ trống.

> 가을이 깊어 ( ) 산의 단풍이 더 붉어진다.

① 가자마자
② 갈수록
③ 가더니
④ 가도록

TOPIK II 읽기 3~4번 유형 · 의미가 비슷한 표현

※ [2] 밑줄 친 부분과 의미가 가장 비슷한 것을 고르십시오. (각 2점)

> 장마가 <u>끝난 후에</u> 본격적인 더위가 시작되었다.

① 끝나고 나서
② 끝나는 대로
③ 끝나는 바람에
④ 끝나기가 무섭게

TOPIK II 읽기 5~8번 유형 · 무엇에 대한 글인지 고르기 (광고)

※ [3] 다음은 무엇에 대한 글인지 고르십시오. (각 2점)

Hãy chọn xem đoạn văn nói về điều gì.

> **포근한 겨울, 구름 위에 누운 기분!**
> **목화솜을 가득 담아 밤새 따뜻하게 감싸 드립니다.**

① 난로
② 장갑
③ 카펫
④ 이불

TOPIK II 읽기 9번 유형 · 안내문 내용 일치 (포스터)

※ [4] 다음 글의 내용과 같은 것을 고르십시오. (각 2점)

Hãy đọc đoạn văn và chọn phương án phù hợp với nội dung.

제1회 인주시 사계절 노래 대회

◇ 일시: 10월 17일(토) 오후 2시

◇ 장소: 인주문화회관 대공연장

◇ 참가 대상: 인주 시민 누구나

◇ 접수: 9월 1일 ~ 9월 30일 (홈페이지 접수만 가능)

◇ 참가비: 무료

※ 우승자에게는 상금과 함께 음원 제작 기회를 드립니다.

① 이 대회는 야외에서 열린다.

② 대회에 참가하려면 참가비를 내야 한다.

③ 참가 신청은 인터넷으로만 할 수 있다.

④ 우승자에게는 상금만 준다.

TOPIK II 듣기 3번(그래프) 유형 · 지문형 전환

※ [5] 다음 글을 읽고 조사 결과의 순위로 알맞은 것을 고르십시오. (각 2점)

Hãy đọc đoạn văn và chọn thứ hạng đúng của kết quả khảo sát.

인주문화연구소에서 성인 남녀 천 명을 대상으로 가장 좋아하는 계절을 조사했다. 조사 결과 봄을 좋아한다는 응답이 가장 많았고 가을이 그 뒤를 이었다. 다음으로는 여름, 겨울 순이었다.

① 가을 – 봄 – 여름 – 겨울

② 봄 – 가을 – 겨울 – 여름

③ 봄 – 가을 – 여름 – 겨울

④ 가을 – 봄 – 겨울 – 여름

TOPIK II 읽기 11~12번 유형 · 기사 내용 일치

※ [6] 다음 글의 내용과 같은 것을 고르십시오. (각 2점)

Hãy đọc đoạn văn và chọn phương án phù hợp với nội dung.

지난 3일 인주천 벚꽃길에서 열린 '봄맞이 걷기 행사'에 시민 5천여 명이 참여했다. 올해로 10년째 이어지고 있는 이 행사의 참가비는 전액 지역 아동을 돕는 데 쓰인다. 인주시는 참여 열기가 해마다 높아짐에 따라 내년부터 걷기 구간을 지금의 두 배로 늘릴 계획이라고 밝혔다.

① 행사 참가비는 아동을 돕는 데 사용된다.

② 이 행사는 올해 처음 열렸다.

③ 행사에 참여한 시민은 5백여 명이다.

④ 걷기 구간은 이미 두 배로 늘어났다.

TOPIK II 듣기 13~16번(안내 방송) 유형 · 지문형 전환

※ [7] 다음은 안내 방송의 내용이다. 글의 내용과 같은 것을 고르십시오. (각 2점)

Đây là một thông báo. Hãy chọn phương án phù hợp với nội dung.

인주 시민 여러분께 안내 말씀드립니다. 오늘 저녁 인주공원 야외무대에서 열릴 예정이던 가을 음악회는 갑작스러운 비로 인해 인주문화회관 대공연장으로 장소를 옮겨 진행합니다. 공연 시작 시간은 저녁 일곱 시로 변경 없이 그대로이며, 입장은 여섯 시 삼십 분부터 가능합니다. 야외 좌석표를 가지고 계신 분들은 안내 데스크에서 실내 좌석표로 바꾸신 후에 입장해 주시기 바랍니다.

① 공연 시작 시간이 한 시간 늦춰졌다.
② 가을 음악회는 실내에서 열린다.
③ 음악회는 다음 주로 연기되었다.
④ 야외 좌석표로 바로 입장할 수 있다.

TOPIK II 읽기 13~15번 유형 · 문장 순서 배열

※ [8] 다음을 순서에 맞게 배열한 것을 고르십시오. (각 2점)

(가) 날씨가 추워지면 나무는 잎으로 보내던 물과 영양분을 끊는다.
(나) 그래서 가을이 되면 산이 온통 붉고 노랗게 물드는 것이다.
(다) 나뭇잎이 초록색으로 보이는 것은 잎 속의 엽록소 때문이다.
(라) 그러면 엽록소가 파괴되면서 그동안 숨어 있던 붉은색과 노란색이 겉으로 드러난다.

① (다)-(라)-(가)-(나)
② (다)-(가)-(라)-(나)
③ (가)-(다)-(나)-(라)
④ (가)-(라)-(다)-(나)

TOPIK II 읽기 16~18번 유형 · 단락 빈칸 추론

※ [9] ( )에 들어갈 말로 가장 알맞은 것을 고르십시오. (각 2점)

Hãy chọn từ hoặc cụm từ phù hợp nhất để điền vào chỗ trống.

제비는 계절에 따라 사는 곳을 옮기는 철새이다. 봄이 되면 한국에 와서 새끼를 기르고, 가을이 되면 따뜻한 남쪽 나라로 떠난다. 제비가 ( ) 것은 낮의 길이가 변하기 때문이다. 낮이 짧아지기 시작하면 제비의 몸에서는 먼 길을 떠날 준비를 하라는 신호가 만들어진다.

① 집을 튼튼하게 짓는
② 아름답게 노래하는
③ 새끼를 정성껏 돌보는
④ 떠날 때를 정확히 아는

TOPIK II 읽기 19~20번 유형 · 접속 부사 빈칸

※ [10~11] 다음을 읽고 물음에 답하십시오. (각 2점)

Hãy đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi.

곰이나 개구리 같은 동물은 먹이가 부족한 겨울에 겨울잠을 잔다. 겨울잠을 자는 동안에는 체온을 낮추고 심장 박동을 줄여서 에너지 소비를 최소화한다. ( ) 모든 동물이 이런 방식으로 겨울을 나는 것은 아니다. 다람쥐는 깊이 잠들었다가도 중간중간 깨어나 모아 둔 먹이를 먹고, 철새는 아예 추위가 없는 곳으로 이동해 버린다. 동물들은 저마다의 방법으로 혹독한 계절을 견뎌 내는 것이다.

10 **( )에 들어갈 말로 가장 알맞은 것을 고르십시오.**

Hãy chọn từ hoặc cụm từ phù hợp nhất để điền vào chỗ trống.

① 그러나

② 그래서

③ 게다가

④ 만약

TOPIK II 읽기 19~20번 유형 · 주제 고르기

11 **위 글의 주제로 가장 알맞은 것을 고르십시오.**

Hãy chọn chủ đề của đoạn văn trên.

① 겨울잠은 모든 동물에게 가장 안전한 방법이다.

② 다람쥐는 겨울 동안 한 번도 깨지 않고 잔다.

③ 동물들은 저마다 다른 방법으로 겨울을 이겨 낸다.

④ 철새는 겨울잠을 자기 위해 이동한다.

TOPIK II 읽기 21~22번 유형 · 관용 표현 빈칸

※ [12~13] 다음을 읽고 물음에 답하십시오. (각 2점)

Hãy đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi.

인주시의 한 마을에서는 해마다 겨울이 오기 전에 주민들이 ( ) 김장을 담근다. 혼자 사는 노인들에게 겨우내 먹을 김치를 나누어 드리기 위해서이다. 처음에는 몇몇 주민이 시작한 작은 일이었지만 지금은 마을 전체의 연례행사가 되었다. 올해는 마을 청년들까지 참여하면서 예년보다 두 배나 많은 김치를 담갔다.

12 **( )에 들어갈 관용 표현으로 가장 알맞은 것을 고르십시오.**

Hãy chọn thành ngữ phù hợp nhất để điền vào chỗ trống.

① 팔을 걷어붙이고

② 발목을 잡고

③ 눈살을 찌푸리고

④ 목에 힘을 주고

TOPIK II 읽기 21~22번 유형 · 내용 일치

13 **위 글의 내용과 같은 것을 고르십시오.**

Hãy chọn phương án phù hợp với nội dung đoạn văn trên.

① 이 김장 행사는 올해 처음 시작되었다.

② 김치는 혼자 사는 노인들에게 전달된다.

③ 마을 청년들은 김장에 참여하지 않았다.

④ 올해 담근 김치의 양은 작년보다 줄었다.

TOPIK II 읽기 23~24번 유형 · 수필: 심정 파악

※ [14~15] 다음을 읽고 물음에 답하십시오. (각 2점)

Hãy đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi.

지난봄, 오래 만난 사람과 헤어졌다. 한동안은 집에 돌아와도 불을 켜는 것조차 힘들었다. 그러던 어느 날 친구가 손바닥만 한 화분 하나를 두고 갔다. 물을 주는 것도 귀찮아서 베란다 구석에 밀어 두었는데, 여름이 끝나 갈 무렵 문득 보니 연둣빛 새잎이 올라와 있었다. <u>나는 한참 동안 그 잎을 들여다보았다.</u> 내가 아무것도 하지 않은 것 같았던 시간에도 무언가는 조용히 자라고 있었던 것이다. 그날 저녁 나는 오랜만에 화분에 물을 주고 창문을 활짝 열었다.

14 **밑줄 친 부분에 나타난 '나'의 심정으로 가장 알맞은 것을 고르십시오.**

Hãy chọn phương án diễn tả đúng nhất tâm trạng của "tôi" ở phần gạch chân.

① 억울하다

② 초조하다

③ 민망하다

④ 뭉클하다

TOPIK II 읽기 23~24번 유형 · 내용 일치

15 **위 글의 내용과 같은 것을 고르십시오.**

Hãy chọn phương án phù hợp với nội dung đoạn văn trên.

① 친구가 나에게 화분을 가져다주었다.

② 나는 화분에 매일 물을 주며 정성껏 키웠다.

③ 새잎은 겨울이 되어서야 올라왔다.

④ 나는 새잎을 본 뒤 화분을 치워 버렸다.

TOPIK II 읽기 25~27번 유형 · 신문 기사 제목 이해

※ [16] 다음 신문 기사의 제목을 가장 잘 설명한 것을 고르십시오. (각 2점)

Hãy chọn cách giải thích phù hợp nhất cho tiêu đề bài báo.

봄나들이객 '껑충'… 사계절 축제 준비도 '분주'

① 봄 나들이객이 줄어서 축제가 취소될 위기에 놓였다.

② 축제 준비가 늦어져서 나들이객들이 불편을 겪었다.

③ 봄 나들이객이 크게 늘어나서 축제를 준비하는 손길도 바빠졌다.

④ 사계절 축제가 끝난 뒤 나들이객이 모두 돌아갔다.

TOPIK II 읽기 35~38번 유형 · 글의 주제 고르기 (논설)

※ [17] 다음 글의 주제로 가장 알맞은 것을 고르십시오. (각 2점)

Hãy chọn chủ đề của đoạn văn.

지구의 평균 기온이 오르면서 계절의 경계가 흐려지고 있다. 봄꽃의 개화 시기는 해마다 앞당겨지고, 여름은 길어졌으며 가을은 눈에 띄게 짧아졌다. 계절의 변화는 단순히 날씨의 문제가 아니다. 꽃이 피는 시기와 벌이 활동하는 시기가 어긋나면 열매가 제대로 맺히지 않고, 이는 농업과 생태계 전체에 연쇄적으로 영향을 미친다. 계절의 리듬을 지키는 일은 곧 우리의 삶을 지키는 일인 것이다.

① 봄꽃 축제의 시기를 해마다 조정할 필요가 있다.
② 기후 변화로 인한 계절의 변화가 생태계와 우리 삶을 위협하고 있다.
③ 농업 기술의 발달로 계절의 영향이 사라지고 있다.
④ 사계절이 뚜렷한 나라일수록 농업이 발달한다.

TOPIK II 읽기 42~43번 유형 · 소설: 인물의 심정

※ [18~19] 다음을 읽고 물음에 답하십시오. (각 2점)

Hãy đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi.

그해 겨울, 나는 어머니의 낡은 앨범을 정리하다가 사진 한 장을 발견했다. 스무 살의 어머니가 활짝 핀 벚꽃 아래에서 웃고 있었다. 사진 뒤에는 흐린 글씨로 '봄, 인주천에서'라고 적혀 있었다. 어머니는 지난가을 병원에 입원하신 뒤로 좀처럼 웃지 않으셨다. 나는 사진을 코트 주머니에 넣고 병원으로 향했다. 창밖에는 그해의 첫눈이 내리고 있었다.

병실 문을 열자 어머니는 창가에 앉아 눈 내리는 하늘을 바라보고 계셨다. 나는 말없이 사진을 내밀었다. 사진을 받아 든 어머니의 손이 가늘게 떨렸다. "벌써 사십 년이 지났구나." 어머니는 사진 속 벚꽃을 오래 쓰다듬으셨다. 그러고는 나를 보며 말씀하셨다. "봄이 오면, 인주천에 같이 가자." 나는 고개를 끄덕였다. 창밖의 눈은 그칠 줄 몰랐지만 병실 안은 어쩐지 조금 따뜻해진 것 같았다.

18 **밑줄 친 부분에 나타난 '어머니'의 심정으로 가장 알맞은 것을 고르십시오.**

Hãy chọn phương án diễn tả đúng nhất tâm trạng của "người mẹ" ở phần gạch chân.

① 반갑고 그립다
② 놀랍고 무섭다
③ 미안하고 부끄럽다
④ 답답하고 화가 나다

TOPIK II 읽기 42~43번 유형 · 내용 파악

19 **위 글의 내용으로 알 수 있는 것을 고르십시오.**

Hãy chọn điều có thể biết được từ nội dung đoạn văn.

① 어머니는 올해 봄에 병원에 입원하셨다.
② 사진은 눈이 내리는 겨울에 찍은 것이다.
③ 나는 어머니께 옛날 사진을 가져다드렸다.
④ 어머니는 사진을 보고 크게 화를 내셨다.

TOPIK II 듣기 4~8번(이어질 말) 유형 · 지문형 전환

※ [20] 다음 대화의 빈칸에 들어갈 말로 가장 알맞은 것을 고르십시오. (각 2점)

Hãy chọn lời nói phù hợp nhất để điền vào chỗ trống trong đoạn hội thoại.

여자: 민수 씨, 이번 주말에 인주공원으로 단풍 구경 갈래요?

남자: 좋아요. 그런데 일요일에는 비가 온다고 하던데요.

여자: ________________________

① 그럼 토요일에 가는 게 좋겠어요.

② 단풍이 벌써 다 떨어졌군요.

③ 우산을 안 가져와서 큰일이에요.

④ 공원이 생각보다 가깝네요.

TOPIK II 듣기 9~12번(이어서 할 행동) 유형 · 지문형 전환

※ [21] 다음 대화를 읽고 여자가 이어서 할 행동으로 가장 알맞은 것을 고르십시오. (각 2점)

Hãy chọn hành động mà người nữ sẽ làm tiếp theo.

여자: 다음 주 동아리 사진전에 낼 벚꽃 사진을 드디어 다 골랐어요. 이제 인화만 하면 돼요.

남자: 고생했어요. 그럼 액자는 제가 주문해 놓을게요.

여자: 고마워요. 그럼 저는 지금 사진관에 가서 사진부터 맡기고 올게요.

남자: 네, 다녀와요. 전시장 자리는 이따가 같이 정해요.

① 전시에 낼 사진을 고른다.

② 사진에 넣을 액자를 주문한다.

③ 전시장 자리를 예약한다.

④ 사진관에 가서 사진을 맡긴다.

TOPIK II 듣기 17~20번(중심 생각) 유형 · 지문형 전환

※ [22] 다음 대화를 읽고 남자의 중심 생각으로 가장 알맞은 것을 고르십시오. (각 2점)

Hãy chọn ý chính.

남자: 이별한 후에 이별 노래를 들으면 더 우울해진다는 사람들이 있잖아요. 그런데 저는 오히려 슬플 때 슬픈 노래를 듣는 게 도움이 된다고 생각해요. 노래 가사를 따라가다 보면 자기 감정을 있는 그대로 인정하게 되고, 그래야 감정도 정리가 되니까요.

여자: 듣고 보니 그럴 수도 있겠네요.

① 슬플 때 슬픈 노래를 듣는 것이 감정을 정리하는 데 도움이 된다.

② 이별 노래는 사람을 우울하게 만들기 때문에 피하는 것이 좋다.

③ 기분이 안 좋을 때는 신나는 노래를 들어야 한다.

④ 노래를 듣는 것보다 운동을 하는 것이 감정 회복에 낫다.

TOPIK II 듣기 21~22번(직장 대화) 유형 · 지문형 전환

※ [23~24] 다음을 읽고 물음에 답하십시오. (각 2점)

Hãy đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi.

여자: 팀장님, 올해 인주시 사계절 축제 홍보 영상 말인데요. 예년처럼 축제 장면을 쭉 나열하는 방식으로 만들까요?

남자: 음, 이번에는 노래를 하나 만들어서 뮤직비디오 형식으로 제작해 보면 어떨까 해요. 요즘은 짧은 영상에 음악을 입혀야 사람들이 끝까지 봐요.

여자: 노래까지 새로 만들려면 제작 기간이 훨씬 더 필요할 텐데요.

남자: 그래도 한번 만들어 놓으면 봄, 여름, 가을, 겨울, 계절이 바뀔 때마다 다시 쓸 수 있잖아요. 길게 보면 그게 더 효율적이에요.

23 남자의 중심 생각으로 가장 알맞은 것을 고르십시오.

Hãy chọn ý chính.

① 홍보 영상은 예년의 방식을 그대로 유지하는 것이 안전하다.

② 제작 기간을 줄이기 위해 노래 제작은 포기해야 한다.

③ 홍보 영상을 뮤직비디오 형식으로 만드는 것이 효과적이다.

④ 축제 장면을 최대한 많이 넣어야 영상이 좋아진다.

TOPIK II 듣기 21~22번 유형 · 내용 일치

24 대화의 내용과 같은 것을 고르십시오.

Hãy chọn phương án phù hợp với nội dung đoạn hội thoại.

① 올해 홍보 영상은 이미 완성되었다.

② 남자는 노래를 활용한 영상 제작을 제안했다.

③ 여자는 제작 기간을 더 늘리자고 했다.

④ 작년 홍보 영상도 뮤직비디오 형식이었다.

TOPIK II 듣기 29~30번(직업 인터뷰) 유형 · 지문형 전환

※ [25~26] 다음을 읽고 물음에 답하십시오. (각 2점)

Hãy đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi.

여자: 매년 봄이 되면 벚꽃이 언제 피는지 발표하시는데요. 개화 시기는 어떻게 예측하시는 건가요?

남자: 저희는 전국의 관측 지점마다 기준이 되는 나무를 정해 두고, 봄이 가까워지면 매일 꽃눈의 상태를 관찰합니다. 그리고 겨울철 기온과 봄철 기온 변화를 함께 분석해서 개화일을 계산하지요.

여자: 예측이 어긋나는 경우도 있습니까?

남자: 네, 요즘은 기후 변화로 개화 시기가 점점 빨라지고 있어서 과거 자료만으로는 정확한 예측이 어렵습니다. 그래서 관측 횟수를 늘리고 새로운 계산 방법을 계속 연구하고 있습니다.

25 **남자는 누구인지 가장 알맞은 것을 고르십시오.**

Hãy chọn xem người nam là ai.

① 벚나무를 심고 가꾸는 사람

② 봄꽃 축제를 기획하는 사람

③ 꽃 사진을 찍어 판매하는 사람

④ 계절의 변화를 관측하여 알리는 사람

TOPIK II 듣기 29~30번 유형 · 내용 일치

26 **글의 내용으로 맞는 것을 고르십시오.**

Hãy chọn phương án đúng theo nội dung đoạn văn.

① 기후 변화로 벚꽃이 피는 시기가 빨라지고 있다.

② 개화일은 여름철 기온만으로 계산한다.

③ 기준이 되는 나무는 해마다 새로 정한다.

④ 과거 자료만 있으면 개화일을 정확히 예측할 수 있다.

TOPIK II 듣기 31~32번(토론) 유형 · 지문형 전환

※ [27~28] 다음을 읽고 물음에 답하십시오. (각 2점)

Hãy đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi.

여자: 벚꽃 철마다 인주로 일대의 차량을 통제하는 것은 시민 불편이 너무 큽니다. 통제 기간에는 출퇴근 시간이 두 배나 걸린다는 민원도 많고요.

남자: 물론 불편이 있다는 것은 저도 압니다. 하지만 차량을 통제한 뒤로 지난해 보행자 사고가 크게 줄었고, 벚꽃길을 찾은 방문객은 삼십 퍼센트나 늘었습니다. 시민의 안전과 지역 경제를 생각하면 통제는 유지해야 합니다.

여자: 그렇다고 해도 최소한 우회로는 더 마련해야 하지 않겠습니까?

남자: 우회로를 늘리는 것에는 저도 찬성합니다. 다만 어떤 경우에도 차량 통제 자체는 계속되어야 한다고 봅니다.

27 **남자의 중심 생각으로 가장 알맞은 것을 고르십시오.**

Hãy chọn ý chính.

① 시민의 불편을 줄이기 위해 차량 통제를 없애야 한다.

② 벚꽃 철의 차량 통제는 계속 유지되어야 한다.

③ 벚꽃길 방문객 수를 제한할 필요가 있다.

④ 우회로를 만드는 것보다 도로를 넓히는 것이 중요하다.

TOPIK II 듣기 31~32번 유형 · 태도 파악

28 **남자의 태도로 가장 알맞은 것을 고르십시오.**

Hãy chọn phương án diễn tả đúng nhất thái độ của người nam.

① 근거를 들어 자신의 주장을 일관되게 유지하고 있다.

② 상대방의 의견을 전적으로 수용하고 있다.

③ 현행 정책의 문제점을 강하게 비판하고 있다.

④ 결정을 미루며 상황을 낙관하고 있다.

TOPIK II 듣기 41~42번(강연) 유형 · 지문형 전환

※ [29~30] 다음을 읽고 물음에 답하십시오. (각 2점)

Hãy đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi.

우리 조상들은 일 년을 스물넷으로 나눈 절기에 따라 농사를 짓고 생활을 계획했습니다. 절기는 달의 모양이 아니라 태양의 움직임을 기준으로 정한 것입니다. 그래서 절기의 날짜는 해마다 거의 달라지지 않습니다. 입춘, 입하, 입추, 입동은 각 계절이 시작되는 절기인데, 이름만 들어도 계절의 변화를 미리 알 수 있으니 절기는 일종의 계절 달력이었던 셈입니다. 오늘날에도 절기는 일기 예보나 농업에서 계절의 흐름을 설명하는 기준으로 널리 활용되고 있습니다.

29 **이 글의 중심 내용으로 가장 알맞은 것을 고르십시오.**

Hãy chọn nội dung chính của đoạn văn này.

① 절기는 달의 모양에 따라 해마다 날짜가 크게 달라진다.

② 오늘날에는 절기가 더 이상 사용되지 않는다.

③ 절기는 농사보다 명절 행사를 위해 만들어졌다.

④ 절기는 태양의 움직임을 기준으로 계절의 변화를 알려 주는 체계이다.

TOPIK II 듣기 41~42번 유형 · 내용 일치

30 **글의 내용과 같은 것을 고르십시오.**

① 절기의 날짜는 해마다 크게 달라진다.

② 절기는 달의 모양을 기준으로 정했다.

③ 입춘은 봄이 시작되는 절기이다.

④ 절기는 현대의 일기 예보에서는 쓰이지 않는다.

문화 노트 — 한국인의 사계절

Ghi chú văn hóa · Bốn mùa trong đời sống người Hàn

한국은 사계절이 뚜렷한 나라예요. 그래서 계절이 바뀔 때마다 함께 모여서 하는 일들이 있어요. 노래 「사계절」의 장면들처럼, 계절에는 한국인의 마음이 담겨 있어요.

Hàn Quốc là đất nước có bốn mùa rõ rệt. Vì vậy mỗi khi chuyển mùa lại có những việc mọi người cùng nhau làm. Cũng như những khung hình trong "Bốn mùa", mỗi mùa đều chứa đựng một phần tâm hồn của người Hàn.

봄 — 꽃놀이

봄이 오면 벚꽃 아래에서 꽃놀이를 해요. 벚꽃이 언제 피는지 개화 시기를 예보할 만큼 큰 봄 행사예요.

Xuân về, người ta ra ngoài dạo chơi dưới những tán hoa anh đào. Ngày hoa nở còn được dự báo trên bản tin — "kkonnori" là một lễ hội mùa xuân lớn đến vậy.

가을 — 단풍놀이

가을에는 단풍 구경을 떠나요. 산과 공원이 붉게 물들면 온 가족이 함께 걸어요. 잎이 붉어지는 이유는 읽기 8번에도 나와요.

Vào mùa thu, mọi người rủ nhau đi ngắm lá đổi màu. Khi núi non và công viên nhuộm đỏ, cả gia đình cùng đi dạo. Lý do lá chuyển sang màu đỏ cũng xuất hiện ở câu 8 phần đọc của chính cuốn sách này.

겨울 — 김장

겨울이 오기 전, 이웃과 함께 김치를 담가 나누는 김장을 해요. 김장 문화는 유네스코 인류무형문화유산이에요.

Trước khi mùa đông tới, hàng xóm tụ họp làm kimchi rồi chia nhau, gọi là "kimjang". Văn hóa kimjang đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể.

이 책 속의 계절 문화 찾기 · Văn hóa bốn mùa xuất hiện ở đâu trong sách này — 꽃놀이·봄나들이 **읽기 14 · 16** | 벚꽃 개화 예보 **읽기 25~26** | 단풍 **읽기 8 · 20** | 김장 **읽기 12~13** | 절기(입춘) **읽기 29~30**

찾아보세요 뮤직비디오에서 네 계절의 이름이 들릴 때마다 표시해 보세요. 어느 계절이 가장 많이 나올까요? (힌트: 듣기 1번!)

Hãy tìm xem — mỗi lần nghe thấy tên một mùa trong music video, bạn hãy đánh dấu lại. Mùa nào xuất hiện nhiều nhất? (Gợi ý: câu 1 phần nghe!)

여러분 나라에서는 계절이 바뀔 때 무엇을 해요? 이야기해 보세요.

Ở đất nước bạn, khi chuyển mùa người ta thường làm gì? Hãy cùng kể nhé.

부 록

정답 · 상세 해설 · 색인

Phụ lục · Đáp án, giải thích chi tiết và bảng tra

정답표 → 문항별 상세 해설(근거 · 선택지 분석 · 풀이 팁 · 어휘 노트)
→ 문법 색인 · 어휘 색인

정답표

Đáp án

틀린 문항은 반드시 해설의 '선택지 분석'과 '팁'까지 읽고 넘어가세요

듣기	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
정답	②	④	①	③	①	④	②	③	①	②

읽기	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
정답	②	①	④	③	③	①	②	②	④	①

읽기	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
정답	③	①	②	④	①	③	②	①	③	①

읽기	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
정답	④	①	③	②	④	①	②	①	④	③

학습 마무리 — 자가 진단과 오답 노트

Khép lại bài học · Tự đánh giá và sổ ghi lỗi sai

채점이 끝났다면, 점수를 공부로 바꾸는 마지막 단계입니다

자가 진단표 · Tự đánh giá (trên tổng số 40 câu)

맞은 개수	지금 나의 단계와 다음 할 일
36~40	유형 감각이 이미 탄탄합니다. 실전 기출 문제집으로 바로 넘어가세요. Bạn đã nắm chắc các dạng câu hỏi. Hãy chuyển thẳng sang luyện đề thi thật của các kỳ trước.
28~35	틀린 문항의 해설·팁만 골라 정독하고, 색인으로 문법·어휘를 마무리하세요. Chỉ chọn đọc kỹ phần giải thích và mẹo của những câu làm sai, rồi hoàn thiện ngữ pháp và từ vựng bằng bảng tra.
20~27	해설을 처음부터 정독하고, 제4장 연계표로 가사와 문항을 오가며 복습하세요. Đọc kỹ toàn bộ phần giải thích từ đầu, và ôn lại bằng cách đi lại giữa lời bài hát và câu hỏi theo bảng ở Chương 4.
0~19	제1부를 다시 학습한 뒤 일주일 후에 같은 문항으로 재도전하세요. 두 번째 점수가 진짜 실력입니다. Học lại Phần 1 và sau một tuần hãy giải lại chính những câu hỏi đó. Điểm ở lần thứ hai mới là năng lực thật.

오답 노트 · Sổ ghi lỗi sai — mỗi câu sai một dòng

문항	내 답	정답	틀린 이유 (한 줄로)	다시 볼 문법·어휘

TOPIK II 쓰기까지 — 「채점관의 눈」 시리즈

이 책에서 다루지 않은 쓰기 영역(53번 등)은 채널의 「채점관의 눈」 영상 시리즈에서 채점 기준으로 풀어 드립니다.

Phần viết không có trong cuốn sách này (như câu 53) được loạt video “Đôi mắt người chấm thi” trên kênh giảng giải từng bước theo tiêu chí chấm điểm chính thức.

youtube.com/@EPIC21korean

상세 해설 — 듣기

Giải thích chi tiết · Nghe

근거 · 선택지 분석 · 풀이 팁 · 어휘 노트

듣기 1번 | 정답 ②

TOPIK II 듣기 1~3번(정보 파악) 유형 적용

근거와 풀이

1절은 "여름이 가고 가을이 오고 있어요"로 시작하여 "겨울이 가고 봄이 오고 있어요"로 이어진다. 따라서 계절이 처음 등장하는 순서는 여름 → 가을 → 겨울 → 봄이다.

선택지 분석

① 달력의 순서(봄부터)라는 상식에 기대게 만드는 함정이다. 노래는 여름에서 시작한다.

② 정답. 가사에 언급되는 실제 순서이다.

③ 두 번째 소절 "가을이 오고 여름이 가고"만 듣고 고르면 빠지는 함정이다. '처음 언급되는' 순서가 기준이다.

④ 겨울은 봄보다 먼저 나오지만 가을보다는 뒤에 나온다.

> **TIP 풀이 팁** 순서·나열형 문항은 들리는 순서대로 1·2·3·4를 메모하며 듣는 것이 가장 정확합니다. 상식(봄→여름→가을→겨울)이 아니라 '들린 것'이 기준입니다.

언급되다 어떤 내용이 말이나 글에서 이야기되다.

듣기 2번 | 정답 ④

TOPIK II 듣기 4~8번(이어질 말) 유형 적용

근거와 풀이

1절의 두 번째 소절은 "사랑이 끝난 후에 쓸쓸함이 찾아오네요"이다. '-(으)ㄴ 후에'(시간의 선후)와 '-네요'(감탄)가 결합된, 이 노래의 대표 소절이다.

선택지 분석

① "이별이 끝난 후에 두근거림이 찾아오네요"(3절)의 짝이다. 앞부분이 '사랑이'인지 '이별이'인지 구별해야 한다.

② "그리움을 안 후에 뜨거움이 식어 가요"에 이어지는 말이다.

③ 후렴이 아니라 "그리움이 깊어 갈수록"에 이어지는 말이다.

④ 정답. '사랑이 끝난 후에'와 짝을 이루는 소절이다.

> **TIP 풀이 팁** 이 노래는 같은 틀의 소절이 짝을 이루며 반복됩니다(사랑↔이별, 쓸쓸함↔두근거림). 주어(사랑이/이별이/그리움이)를 잡으면 이어질 말이 자동으로 결정됩니다.

소절 노래 가사의 한 부분. 한 줄 정도의 단위.

듣기 3번 | 정답 ①

TOPIK II 듣기 4~8번(이어질 말) 유형 적용

근거와 풀이

2절의 소절은 "그리움이 깊어 갈수록 그대가 보고 싶어요"이다. 바로 다음 짝 소절이 "새로운 사랑이 깊어 갈수록 더 보고 싶어요"이므로 두 소절을 구별해서 들어야 한다.

선택지 분석

① 정답. '그리움이 깊어 갈수록'의 뒤에는 '그대가'가 온다.

② '새로운 사랑이 깊어 갈수록' 뒤에 오는 말이다. 주어가 다르다.

③ "설렘을 안 후에 슬픔이 사라져 가요"의 일부이다.

④ "이별이 두려움을 새겨 놓는 것이지"를 변형한 오답이다.

> **TIP** **풀이 팁** 거의 같은 두 소절(갈수록~보고 싶어요)이 연달아 나오는 구간입니다. 이렇게 유사 소절이 반복될 때는 '무엇이 깊어지는지'(그리움/새로운 사랑)를 기준으로 구별하세요. TOPIK 듣기에서도 비슷한 문장 속 명사 하나를 바꾼 오답이 자주 나옵니다.

-(으)ㄹ수록 앞의 정도가 심해지면 뒤의 정도도 그에 따라 변함을 나타내는 어미.

듣기 4번 | 정답 ③

TOPIK II 듣기 13~16번(내용 일치) 유형 적용

근거와 풀이

"사랑이 끝난 후에 쓸쓸함이 찾아오네요", "사랑이 쓸쓸함을 남겨 놓는 것이지"에서 화자가 이별 후의 쓸쓸함을 느끼고 있음을 알 수 있다.

선택지 분석

① "그리움이 깊어 갈수록"이라고 했으므로 그리움은 오히려 깊어진다. 가사와 반대되는 진술이다.

② "어찌 잊고 싶다고 그 사랑이 지워지나요?"는 지워지지 않는다는 뜻의 수사적 물음이다.

③ 정답. 가사의 핵심 정서와 일치한다.

④ 계절의 변화는 이별의 아픔을 드러내는 배경일 뿐, 기뻐하는 내용은 없다.

> **TIP** **풀이 팁** 내용 일치 문항의 오답은 가사(지문)의 표현을 그대로 쓰면서 방향만 뒤집는 경우가 많습니다(깊어진다→옅어진다, 지워지지 않는다→지워진다). '같은 단어가 들렸다'가 아니라 '같은 뜻인가'를 확인하세요.

옅어지다 정도가 약해지다. · **수사적 물음** 대답을 듣기 위해서가 아니라 뜻을 강조하기 위해 하는 질문.

듣기 5번 | 정답 ①

TOPIK II 듣기 세부 내용 파악 유형 적용

근거와 풀이

노래에는 재회(다시 만남)에 대한 물음이 없다. 화자의 물음은 모두 '떠남·잊음·지워짐'이 어떻게 가능한지에 대한 것이다.

선택지 분석

① **정답. '언제 다시 만나는지'는 노래에 나오지 않는 물음이다.**

② "어떻게 외로운 날 두고 사랑이 떠나갈 수 있나요?"에 해당한다.

③ "어떻게 새로운 사랑으로 그대를 잊을 수 있나요?"에 해당한다.

④ "어찌 잊고 싶다고 그 사랑이 지워지나요?"에 해당한다.

> **TIP 풀이 팁** '아닌 것' 문항은 선택지 네 개를 먼저 읽고, 노래를 들으며 들리는 것에 하나씩 표시를 지워 가는 소거법이 안전합니다. 발문의 부정어(않은/아닌)에 밑줄을 긋는 습관을 들이세요.

재회 헤어졌던 사람과 다시 만남.

듣기 6번 | 정답 ④

TOPIK II 읽기 23번(심정)·듣기 응용

근거와 풀이

"그리움이 깊어 갈수록 그대가 보고 싶어요", "사랑이 쓸쓸함을 남겨 놓는 것이지"에서 그리움과 쓸쓸함이라는 두 정서를 직접 확인할 수 있다.

선택지 분석

① 이별을 후련해하는 태도는 나타나지 않는다.

② 다른 사람을 부러워하는 내용은 없다.

③ "두려움을 새겨 놓는다"는 표현이 있지만 노래 전체의 정서는 공포·불안이 아니라 그리움이다. 일부 단어만으로 판단하면 안 된다.

④ **정답. 가사 전체를 관통하는 두 정서이다.**

> **TIP 풀이 팁** 심정 문항에서 두 감정이 결합된 선택지(그립고 쓸쓸하다)는 두 감정이 모두 근거를 가져야 정답입니다. 한쪽만 맞는 선택지는 매력적인 오답이니 반드시 두 번 확인하세요. 감정 어휘(뭉클하다, 홀가분하다, 샘이 나다 등)는 부록 어휘 색인에서 복습할 수 있습니다.

홀가분하다 복잡하거나 부담스러운 것이 없어 가볍고 편안하다. · **샘이 나다** 남이 잘되는 것이 부러워 미워하는 마음이 생기다.

듣기 7번 | **정답 ②** TOPIK II 듣기 17~20번(중심 생각) 유형 적용

근거와 풀이

노래는 계절이 계속 바뀌는 동안에도(“가을이 오고 또 다시 겨울이 오네요”) 그리움이 깊어지고(“그리움이 깊어 갈수록”), 사랑이 지워지지 않음(“어찌 잊고 싶다고 그 사랑이 지워지나요?”)을 반복해서 노래한다.

선택지 분석

① “어찌 그립다고 새로운 사랑을 시작하나요?”는 오히려 서두르는 것에 대한 의문이다.

② 정답. 후렴의 수사적 물음이 이 생각을 강조한다.

③ 노래의 내용과 반대이다. 잊히지 않기에 화자가 묻고 있는 것이다.

④ 노래는 계절의 변화에 감정을 빗대어 표현하므로, 관계가 없다는 진술은 표현 방식 자체와 어긋난다.

> **TIP** **풀이 팁** 노래·시의 중심 생각은 반복되는 부분(후렴)에 담기는 경우가 많습니다. TOPIK에서도 ‘반복·강조되는 내용 = 중심 생각’이라는 원리는 같습니다.

후렴 노래에서 반복되어 나오는 부분.

듣기 8번 | **정답 ③** TOPIK II 듣기 45~46번(말하는 방식) 유형 적용

근거와 풀이

여름·가을·겨울·봄의 순환(자연 현상)을 사랑이 끝나고 그리움이 깊어지는 과정(감정)에 겹쳐 놓는 비유 구조가 노래 전체의 뼈대이다.

선택지 분석

① 숫자나 통계는 전혀 나오지 않는다.

② 한 사람(화자)의 독백 형식이며 대화는 없다.

③ 정답. ‘빗대다(비유하다)’가 이 노래의 핵심 표현 방식이다.

④ 문장 종결은 ‘-어요/-네요/-나요’로, 명령형은 쓰이지 않았다.

> **TIP** **풀이 팁** ‘말하는 방식’ 유형의 선택지는 「~을/를 들어 / ~을 통해 / ~에 빗대어 + -고 있다」의 틀로 나옵니다. 방식(어떻게)과 내용(무엇을)을 나누어 두 부분이 모두 맞는지 확인하는 것이 요령입니다.

빗대다 어떤 것을 직접 말하지 않고 다른 것에 비유해서 말하다. · **독백** 혼자서 하는 말.

듣기 9번 | 정답 ① TOPIK II 듣기 41~42번(의미 추론) 유형 적용

근거와 풀이

이 소절 바로 뒤에 "그리움을 안 후에 뜨거움이 식어 가요"가 이어진다. 여름(뜨거움)이 가고 가을이 오는 계절의 변화가, 사랑의 뜨거움이 식어 가는 마음의 변화와 포개져 있다.

선택지 분석

① 정답. 계절의 이동 = 시간의 흐름과 감정의 변화라는 이 노래의 비유 공식이다.

② 건강 이야기는 나오지 않으며, 문자 그대로의 날씨 해석이다.

③ 여행은 언급되지 않는다.

④ 농사도 언급되지 않는다. 계절 어휘만 보고 고르는 함정이다.

> **TIP 풀이 팁** 비유적 의미를 묻는 문항에서는 앞뒤 소절(문맥)이 근거입니다. '여름=뜨거움, 가을=식어 감'처럼 짝이 되는 표현을 찾으면 의미가 풀립니다. 문자 그대로의 해석(날씨·여행·농사)은 대부분 오답입니다.

포개지다 둘 이상이 겹쳐지다.

듣기 10번 | 정답 ② TOPIK II 듣기 담화 기능 파악 유형 적용

근거와 풀이

"어떻게 외로운 날 두고 사랑이 떠나갈 수 있나요?"는 실제 대답을 구하는 질문이 아니라, 떠남과 잊음을 받아들일 수 없는 마음을 강조하는 수사적 물음이다. 같은 틀의 물음이 네 번 반복되며 정서를 고조시킨다.

선택지 분석

① 수사적 물음이므로 대답을 기대하는 것이 아니다.

② 정답. 반복되는 물음은 '받아들일 수 없음'의 강조이다.

③ "어찌 가을이 오고 여름이 갈 수 있나요?"는 지식 전달이 아니라 감정의 표현이다.

④ "어찌 그립다고 새로운 사랑을 시작하나요?"는 권유가 아니라 회의(의문)이다.

> **TIP 풀이 팁** '-(으)ㄹ 수 있나요?'가 반복되면 가능성을 묻는 것이 아니라 '그럴 수 없다'는 강한 부정·한탄인 경우가 많습니다. TOPIK 듣기에서 화자의 의도를 물을 때 이 수사 의문 장치를 기억해 두세요.

고조되다 감정이나 분위기가 점점 높아지다. · **회의** 어떤 것에 대해 의심을 품음.

상세 해설 — 읽기

Giải thích chi tiết · Đọc

근거 · 선택지 분석 · 풀이 팁 · 어휘 노트

읽기 1번 | 정답 ②

TOPIK II 읽기 1~2번 유형 · 문법 빈칸

근거와 풀이

앞의 정도가 심해짐에 따라 뒤의 정도도 함께 변함을 나타내는 '-(으)ㄹ수록'이 알맞다. 가사 '그리움이 깊어 갈수록 그대가 보고 싶어요'와 같은 구조로, '깊어 가다(-어 가다: 진행) + -(으)ㄹ수록(비례)'의 결합이다. '-자마자'는 즉시성, '-더니'는 과거에 관찰한 사실과의 대조, '-도록'은 목적의 의미이므로 맞지 않는다.

선택지 분석

① '~하자마자 곧'의 뜻으로, 즉시성을 나타낸다. 정도의 변화와 어울리지 않는다.

② 정답. '깊어 가다'(진행)에 '-(으)ㄹ수록'(비례)이 붙어 "깊어 갈수록"이 된다.

③ 과거에 관찰한 사실과 그 뒤의 대조적 결과를 나타낸다.

④ 목적(-하도록)을 나타내므로 문맥과 맞지 않는다.

> **TIP** **풀이 팁** 빈칸 문법 문항은 빈칸 뒤의 서술어(더 붉어진다)를 먼저 보세요. '더 ~해진다'처럼 정도의 변화가 오면 '-(으)ㄹ수록'이 자연스럽습니다. 가사 "그리움이 깊어 갈수록"과 같은 구조입니다.

-(으)ㄹ수록 앞의 정도가 심해지면 뒤의 내용의 정도도 그에 따라 변함을 나타내는 연결 어미.

읽기 2번 | 정답 ①

TOPIK II 읽기 3~4번 유형 · 의미가 비슷한 표현

근거와 풀이

'-(으)ㄴ 후에'는 앞의 일이 시간적으로 먼저 일어났음을 나타내며 '-고 나서'와 바꾸어 쓸 수 있다. 가사 '사랑이 끝난 후에 쓸쓸함이 찾아오네요'의 핵심 문법이다. '-는 대로'와 '-기가 무섭게'는 '끝나자마자 곧바로'라는 즉시성이 더해지고, '-는 바람에'는 부정적 결과의 원인을 나타내므로 의미가 다르다.

선택지 분석

① 정답. '-(으)ㄴ 후에 ≒ -고 나서'. 앞의 일이 끝난 다음임을 나타낸다.

② '끝나는 대로'는 끝나자마자 곧바로라는 즉시성이 더해진다.

③ '-는 바람에'는 부정적 결과의 원인을 나타내므로 의미가 다르다.

④ '-기가 무섭게' 역시 즉시성을 강조하는 표현이다.

> **TIP** **풀이 팁** 유의 표현 문항은 '의미가 같은가'와 함께 '어감(뉘앙스)까지 같은가'를 봅니다. 시간의 선후만 나타내는 '-(으)ㄴ 후에'와, 즉시성이 더해지는 '-는 대로/-기가 무섭게'를 구별하는 것이 포인트입니다.

본격적 일이 제대로 갖추어져 그 형태나 특징이 뚜렷한 것. · **-는 바람에** 뒤에 오는 부정적인 일의 원인이나 이유를 나타내는 표현.

읽기 3번 | **정답 ④** TOPIK II 읽기 5~8번 유형 · 무엇에 대한 글인지 고르기 (광고)

근거와 풀이

'누운', '목화솜을 담아', '밤새 감싸 준다'는 표현에서 잠잘 때 덮는 물건임을 알 수 있다. 광고 문항은 제품명을 직접 쓰지 않으므로 사용 상황(눕다, 밤)과 재료(목화솜)를 단서로 화제를 추론해야 한다.

선택지 분석

① 따뜻함과는 통하지만 '눕다', '감싸다'와 어울리지 않는다.

② '감싸다'와 통하지만 '밤새', '눕다'와 어울리지 않는다.

③ 바닥에 까는 물건으로 '목화솜을 담다'와 맞지 않는다.

④ 정답. 눕다 + 목화솜 + 밤새 감싸다 = 이불.

> **TIP** **풀이 팁** 광고 문항은 명사(제품명)가 아니라 동사·상황(눕다, 밤새, 감싸다)이 단서입니다. 선택지의 사물을 하나씩 광고 문구에 대입해 모든 표현과 어울리는지 확인하세요.

포근하다 따뜻하고 편안한 느낌이 있다. · **목화솜** 목화에서 얻은, 이불 등에 넣는 부드러운 솜.

읽기 4번 | **정답 ③** TOPIK II 읽기 9번 유형 · 안내문 내용 일치 (포스터)

근거와 풀이

'홈페이지 접수만 가능'이라고 했으므로 '참가 신청은 인터넷으로만 할 수 있다'가 일치한다. 장소는 실내인 대공연장이고, 참가비는 무료이며, 우승자에게는 상금과 음원 제작 기회를 함께 준다.

선택지 분석

① 장소가 '인주문화회관 대공연장'이므로 실내이다.

② '참가비: 무료'와 어긋난다.

③ 정답. '홈페이지 접수만 가능' = 인터넷으로만 신청.

④ 상금과 함께 '음원 제작 기회'도 준다고 했다.

> **TIP** **풀이 팁** 안내문 문항은 선택지의 핵심어(장소·비용·방법·혜택)를 포스터의 해당 항목(◇ 표시)과 1:1로 대조하면 빠르고 정확합니다. '만·모두·이미' 같은 한정어가 정답/오답을 가르는 경우가 많습니다.

접수 신청이나 서류를 공식적으로 받음. · **음원** 디지털 형태로 만들어져 유통되는 음악.

읽기 5번 | 정답 ③

TOPIK II 듣기 3번(그래프) 유형 · 지문형 전환

근거와 풀이

담화에서 제시된 순위는 '봄 > 가을 > 여름 > 겨울'이다. 그래프형 문항의 오답은 1위와 2위를 서로 바꾸거나 3위와 4위를 서로 바꾸는 방식으로 설계되므로, 순위를 나타내는 표현(가장 많았다, 뒤를 이었다, 그다음 순이었다)을 정확히 들어야 한다.

선택지 분석

① 1위와 2위를 서로 바꾼 오답이다.

② 3위와 4위를 서로 바꾼 오답이다.

③ 정답. 봄(1위) > 가을(2위) > 여름(3위) > 겨울(4위).

④ 1·2위와 3·4위를 모두 바꾼 오답이다.

> **TIP** **풀이 팁** 순위 지문은 '가장 많았다(1위) / 뒤를 이었다(2위) / 다음으로(3위~)'라는 순위 표현을 기호(>)로 바꿔 메모하면 오답 함정(순위 맞바꾸기)에 걸리지 않습니다. 실제 듣기 3번 그래프 문항도 같은 원리입니다.

응답 물음이나 조사에 대답함. 또는 그 대답. · **뒤를 잇다** 앞의 것 다음의 순위나 차례가 되다.

읽기 6번 | 정답 ①

TOPIK II 읽기 11~12번 유형 · 기사 내용 일치

근거와 풀이

'참가비는 전액 지역 아동을 돕는 데 쓰인다'는 문장과 일치한다. 행사는 10년째 이어지고 있고(시점 왜곡), 참여 인원은 5백 명이 아니라 5천여 명이며(수치 왜곡), 구간 확대는 내년의 계획일 뿐 아직 실행되지 않았다(시점 왜곡). 기사 일치 문항의 대표적인 오답 설계 세 가지가 모두 들어 있다.

선택지 분석

① 정답. '참가비는 전액 지역 아동을 돕는 데 쓰인다'와 일치한다.

② '올해로 10년째 이어지고 있는'과 어긋난다(시점 왜곡).

③ 5천여 명을 5백여 명으로 바꾼 수치 왜곡이다.

④ 구간 확대는 '내년부터'의 계획이다. 아직 일어나지 않은 일을 완료된 것처럼 바꾼 시점 왜곡이다.

> **TIP** **풀이 팁** 기사 일치 문항의 3대 오답 패턴은 ①시점 왜곡(계획→완료, 과거→현재) ②수치 왜곡(5천→5백) ③주체 교체입니다. 숫자와 시간 표현(올해로, 내년부터)에 표시하며 읽으세요.

전액 돈의 전체 액수. · **열기** 뜨겁게 달아오른 분위기나 관심.

읽기 7번 | 정답 ② TOPIK II 듣기 13~16번(안내 방송) 유형 · 지문형 전환

근거와 풀이

장소가 야외무대에서 실내 대공연장으로 변경되었으므로 '실내에서 열린다'가 담화와 일치한다. 공연 시간은 그대로이고, 날짜가 아니라 장소가 바뀐 것이며, 야외 좌석표는 실내 좌석표로 바꾼 후에 입장해야 한다. 이 문항의 담화에는 가사의 핵심 문법 '-(으)ㄴ 후에'가 그대로 사용되었다.

선택지 분석

① 시간은 '변경 없이 그대로'라고 했다.

② 정답. 야외무대 → 실내 대공연장으로 장소가 바뀌었다.

③ 바뀐 것은 날짜가 아니라 장소이다.

④ 실내 좌석표로 '바꾸신 후에' 입장해야 한다. 가사의 핵심 문법 '-(으)ㄴ 후에'가 그대로 쓰인 문장이다.

> **TIP 풀이 팁** 안내문에서는 '변경된 것'과 '변경되지 않은 것'을 구분해 메모하세요(장소 O, 시간 X). 오답은 변경되지 않은 것을 변경된 것처럼 바꿔 만듭니다.

-(으)로 인해 앞의 것이 원인이나 이유가 되어. · **연기되다** 정해진 날짜나 시간이 뒤로 미루어지다.

읽기 8번 | 정답 ② TOPIK II 읽기 13~15번 유형 · 문장 순서 배열

근거와 풀이

일반적 사실을 제시하는 (다)가 첫 문장이 된다. 이어서 조건이 발생하는 (가), '그러면'으로 받는 결과 (라), '그래서'로 마무리하는 결론 (나)의 순서가 자연스럽다. 배열 문항은 지시어(그러면, 그래서)와 접속 표현이 앞 문장과 어떻게 연결되는지가 결정적 단서이다.

선택지 분석

① (라)의 '그러면'은 (가)의 조건을 받아야 하므로 (다) 바로 뒤에 (라)가 올 수 없다.

② 정답. 일반 사실(다) → 조건(가) → '그러면' 결과(라) → '그래서' 결론(나).

③ (가)의 '날씨가 추워지면'은 도입 문장으로 어색하고, (다)의 일반 진술이 먼저 와야 한다.

④ (라)의 '그러면'이 받을 조건문이 앞에 없어 연결이 끊긴다.

> **TIP 풀이 팁** 배열 문항은 ①첫 문장 찾기(지시어·접속어가 없는 일반 진술) ②접속어 연결 확인(그러면=조건 뒤, 그래서=원인 뒤) 순서로 풉니다. 선택지에서 첫 문장 후보가 두 개뿐이면 절반은 푼 셈입니다.

엽록소 식물의 잎을 초록색으로 보이게 하는 색소. · **물들다** 빛깔이 스미거나 옮아서 묻다.

읽기 9번 | 정답 ④

TOPIK II 읽기 16~18번 유형 · 단락 빈칸 추론

근거와 풀이

빈칸 뒤 문장 '낮이 짧아지면 떠날 준비를 하라는 신호가 만들어진다'가 근거 문장이다. 빈칸 추론 유형은 빈칸 앞뒤의 '~기 때문이다'와 같은 인과 표현이 가리키는 내용을 찾으면 된다. 집 짓기, 노래하기, 새끼 돌보기는 낮의 길이 변화와 인과 관계가 없다.

선택지 분석

① 집 짓기는 낮의 길이 변화와 인과 관계가 없다.

② 노래하기도 본문에 언급되지 않았다.

③ 새끼 돌보기는 봄의 일로 언급되었을 뿐 빈칸의 인과와 무관하다.

④ 정답. 빈칸 뒤 '낮이 짧아지면 떠날 준비를 하라는 신호'가 근거이다.

> **TIP** **풀이 팁** 빈칸 뒤에 '~기 때문이다'가 오면, 그 문장이 빈칸의 정답을 그대로 설명하는 근거 문장입니다. 빈칸 문항은 '빈칸 바로 앞뒤 두 문장' 안에 답이 있습니다.

철새 계절에 따라 사는 곳을 옮기는 새. · **신호** 어떤 일이 일어날 것을 알리는 몸속의 반응이나 표시.

읽기 10번 | 정답 ①

TOPIK II 읽기 19~20번 유형 · 접속 부사 빈칸

근거와 풀이

빈칸 앞은 '겨울잠으로 에너지를 아낀다'는 일반적 설명이고, 뒤는 '모든 동물이 그런 것은 아니다'라며 흐름을 뒤집는다. 따라서 역접의 '그러나'가 알맞다. '-는 것은 아니다'라는 부분 부정 표현이 결정적 단서이다.

선택지 분석

① 정답. 앞(겨울잠 일반론)과 뒤(모든 동물이 그런 것은 아님)가 반대 방향이므로 역접 '그러나'.

② '그래서'는 인과의 순접이므로 흐름이 뒤집히는 자리에 쓸 수 없다.

③ '게다가'는 같은 방향의 내용을 보탤 때 쓴다.

④ '만약'은 가정문(-다면)과 함께 쓰인다.

> **TIP** **풀이 팁** 접속 부사 문항은 빈칸 앞뒤 문장의 방향(같은 방향/반대 방향/인과/추가)만 판정하면 됩니다. 특히 뒤 문장의 '-는 것은 아니다'(부분 부정)는 역접의 강력한 신호입니다.

박동 심장이 뛰는 것. · **최소화하다** 가장 적게 만들다.

읽기 11번 | **정답 ③** TOPIK II 읽기 19~20번 유형 · 주제 고르기

근거와 풀이

마지막 문장 '동물들은 저마다의 방법으로 혹독한 계절을 견뎌 내는 것이다'가 글 전체를 요약하는 주제문이다. 겨울잠이 모두에게 가장 안전하다는 진술은 부분 부정된 내용이고, 다람쥐와 철새에 대한 진술은 지문의 세부 내용과 어긋난다.

선택지 분석

① '모든 동물이 이런 방식으로 겨울을 나는 것은 아니다'와 어긋난다.

② 다람쥐는 '중간중간 깨어나' 먹이를 먹는다고 했다.

③ 정답. 마지막 문장 '동물들은 저마다의 방법으로 혹독한 계절을 견뎌 내는 것이다'의 요약이다.

④ 철새는 겨울잠 대신 이동을 택하는 동물의 예이다.

> TIP **풀이 팁** 설명문의 주제는 마지막 문장(특히 '-는 것이다'로 끝나는 문장)에 정리되는 경우가 많습니다. 세부 사례(곰·다람쥐·철새)를 답으로 고르지 않도록 주의하세요.

혹독하다 몹시 심하고 견디기 어렵다. · **견디다** 어려움이나 아픔을 참고 이겨 내다.

읽기 12번 | **정답 ①** TOPIK II 읽기 21~22번 유형 · 관용 표현 빈칸

근거와 풀이

'팔을 걷어붙이다'는 어떤 일에 적극적으로 나선다는 뜻의 관용 표현으로, 주민들이 함께 김장에 나서는 상황에 알맞다. '발목을 잡다'(일을 방해하다), '눈살을 찌푸리다'(못마땅해하다), '목에 힘을 주다'(거만하게 굴다)는 모두 문맥과 맞지 않는다.

선택지 분석

① 정답. '팔을 걷어붙이다' = 어떤 일에 적극적으로 나서다.

② '발목을 잡다' = 일의 진행을 방해하다.

③ '눈살을 찌푸리다' = 못마땅해서 얼굴을 찡그리다.

④ '목에 힘을 주다' = 거만한 태도를 보이다.

> TIP **풀이 팁** 관용 표현은 문맥의 감정 방향(긍정적 참여/부정적 방해)을 먼저 정하고, 그 방향과 맞는 표현만 남기면 선택지가 절반으로 줄어듭니다. 이 책의 어휘 색인에서 관용 표현만 따로 복습해 두세요.

팔을 걷어붙이다 (관용구) 어떤 일에 적극적으로 나서다. · **겨우내** 겨울 동안 계속. · **연례행사** 해마다 정기적으로 하는 행사.

읽기 13번 | 정답 ②

TOPIK II 읽기 21~22번 유형 · 내용 일치

근거와 풀이

'혼자 사는 노인들에게 나누어 드리기 위해서'라고 했으므로 '노인들에게 전달된다'가 일치한다. 행사는 여러 해 이어져 연례행사가 되었고, 올해는 청년들까지 참여했으며, 김치의 양은 예년의 두 배로 늘었다.

선택지 분석

① '처음에는 몇몇 주민이 시작한 일'이 '지금은 연례행사'가 되었다고 했으므로 올해 시작이 아니다.

② 정답. '혼자 사는 노인들에게 나누어 드리기 위해서'와 일치한다.

③ 올해는 '청년들까지 참여'했다.

④ 김치의 양은 '예년보다 두 배나 많은'으로 늘었다.

> **TIP** **풀이 팁** 세트 문항의 두 번째(내용 일치)는 첫 번째 문항(빈칸)을 풀며 이미 읽은 정보로 풉니다. 지문을 다시 처음부터 읽지 말고, 선택지의 핵심어가 나온 문장으로 바로 돌아가 대조하세요.

예년 보통의 다른 해.

읽기 14번 | 정답 ④

TOPIK II 읽기 23~24번 유형 · 수필: 심정 파악

근거와 풀이

이별 후 멈춰 있던 '나'가 저절로 자라난 새잎을 보며 위로와 감동을 받는 장면이므로, 마음이 갑자기 뜨거워지며 감동하는 느낌인 '뭉클하다'가 알맞다. 바로 뒤의 문장 '무언가는 조용히 자라고 있었던 것이다'와 마지막의 긍정적 행동(물을 주고 창문을 열다)이 근거가 된다.

선택지 분석

① 억울함(부당한 일을 당한 분함)의 상황이 아니다.

② 초조함(불안해서 애가 탐)은 새잎을 발견한 장면과 맞지 않는다.

③ 민망함(부끄러움)의 근거가 없다.

④ 정답. 멈춘 줄 알았던 시간에도 자라고 있던 생명을 발견한 감동 = 뭉클하다.

> **TIP** **풀이 팁** 심정 문항은 밑줄 친 행동의 '직전 사건'과 '직후 반응'이 근거입니다. 여기서는 직전(새잎 발견)과 직후(물을 주고 창문을 엶)가 모두 긍정적 전환이므로 긍정적 감동의 어휘를 골라야 합니다.

뭉클하다 슬픔이나 감동으로 마음이 갑자기 꽉 차는 느낌이 있다. · **문득** 생각이나 느낌이 갑자기 떠오르는 모양. · **연둣빛** 연한 초록색.

읽기 15번 | **정답 ①** TOPIK II 읽기 23~24번 유형 · 내용 일치

근거와 풀이

'친구가 화분 하나를 두고 갔다'는 내용과 일치한다. '나'는 물 주는 것도 귀찮아 화분을 방치했고, 새잎은 겨울이 아니라 여름이 끝나 갈 무렵 발견했으며, 새잎을 본 뒤에는 화분을 치운 것이 아니라 오히려 물을 주었다.

선택지 분석

① 정답. '친구가 손바닥만 한 화분 하나를 두고 갔다'와 일치한다.

② '물을 주는 것도 귀찮아서 베란다 구석에 밀어 두었는데'와 어긋난다.

③ 새잎은 '여름이 끝나 갈 무렵' 발견했다.

④ 새잎을 본 뒤 '오랜만에 화분에 물을 주고'라고 했다.

> **TIP** **풀이 팁** 수필의 내용 일치는 시간 표현(지난봄, 어느 날, 여름이 끝나 갈 무렵, 그날 저녁)을 따라 사건의 순서를 정리하면 시점 왜곡형 오답이 바로 보입니다.

방치하다 돌보지 않고 그대로 내버려 두다.

읽기 16번 | **정답 ③** TOPIK II 읽기 25~27번 유형 · 신문 기사 제목 이해

근거와 풀이

헤드라인의 '껑충'은 수가 갑자기 크게 뛰어오름을, '분주'는 몹시 바쁨을 나타낸다. 기사 제목 문항은 이런 축약·비유 표현의 의미를 풀어 쓴 선택지를 찾는 유형으로, 두 표현의 의미를 모두 정확히 반영해야 정답이 된다.

선택지 분석

① '껑충'은 크게 뛰어오름(증가)이므로 '줄어서'는 반대 해석이다.

② '분주'는 준비하는 쪽이 바쁘다는 뜻이지 준비가 늦어졌다는 뜻이 아니다.

③ 정답. 껑충(크게 증가) + 분주(몹시 바쁨)를 모두 정확히 풀었다.

④ 축제는 '준비' 단계이므로 끝났다는 해석은 맞지 않는다.

> **TIP** **풀이 팁** 헤드라인 문항은 따옴표 속 표현(껑충, 분주)을 각각 풀이한 뒤, 두 풀이가 모두 반영된 선택지를 고릅니다. 한쪽만 맞는 선택지가 대표적인 함정입니다.

껑충 (비유적으로) 수량이나 정도가 갑자기 크게 오르는 모양. · **분주하다** 이리저리 바쁘고 수선스럽다. · **나들이객** 집을 떠나 가까운 곳에 놀러 나온 사람.

읽기 17번 | **정답 ②**

TOPIK II 읽기 35~38번 유형 · 글의 주제 고르기 (논설)

근거와 풀이

글은 '계절 변화 → 생태계의 연쇄적 영향 → 우리 삶의 문제'로 논지를 전개하며, 마지막 문장이 주제문 역할을 한다. 주제 유형에서는 세부 사례(개화 시기, 벌의 활동)가 아니라 글 전체를 포괄하는 진술을 골라야 한다.

선택지 분석

① 개화 시기는 문제 상황의 사례일 뿐, 축제 시기 조정은 글에 없다.

② 정답. '계절 변화 → 생태계 연쇄 영향 → 우리 삶의 문제'라는 논지의 요약이다.

③ 글은 계절의 영향이 커지고 있음을 말하므로 반대 진술이다.

④ 사계절과 농업 발달의 상관관계는 글에 없다.

> **TIP** **풀이 팁** 논설문의 주제는 '문제 제기 → 근거 → 마지막 문장(주장)' 구조의 마지막 문장에 담깁니다. '~는 일은 곧 ~는 일인 것이다' 같은 단정 표현이 주제문의 신호입니다.

경계 서로 다른 두 지역이나 사물이 구분되는 지점. · **연쇄적** 서로 이어져 연달아 일어나는 것. · **생태계** 생물과 환경이 서로 영향을 주고받는 체계.

읽기 18번 | **정답 ①**

TOPIK II 읽기 42~43번 유형 · 소설: 인물의 심정

근거와 풀이

젊은 날의 사진을 받아 들고 손이 떨리며 '벌써 사십 년이 지났구나'라고 말하고 사진을 오래 쓰다듬는 행동에서, 뜻밖의 사진이 반가우면서도 지나간 시절이 그리운 마음을 읽을 수 있다. 최근 기출에서는 이 문항처럼 두 감정을 결합한 선택지가 출제되므로 두 감정이 모두 지문과 맞는지 확인해야 한다.

선택지 분석

① 정답. 뜻밖의 사진이 반갑고(손이 떨림), 사십 년 전의 시절이 그립다(오래 쓰다듬음).

② 놀라움은 있어도 무서움의 근거는 없다.

③ 미안함·부끄러움의 상황이 아니다.

④ 답답함·분노는 이어지는 따뜻한 결말과 어긋난다.

> **TIP** **풀이 팁** 두 감정 결합형 선택지는 각 감정을 지문의 서로 다른 행동과 짝지어 검증하세요(반갑다↔손이 떨렸다 / 그립다↔오래 쓰다듬으며 "벌써 사십 년"). 하나라도 근거가 없으면 오답입니다.

가늘게 떨리다 약하고 작게 흔들리다. · **쓰다듬다** 손으로 살살 어루만지다. · **좀처럼** (부정 표현과 함께 쓰여) 여간해서는.

읽기 19번 | 정답 ③

TOPIK II 읽기 42~43번 유형 · 내용 파악

근거와 풀이

‘나’는 앨범에서 발견한 사진을 주머니에 넣고 병원으로 가서 어머니께 내밀었으므로 ‘옛날 사진을 가져다드렸다’가 맞다. 입원 시기는 지난가을이고, 사진은 벚꽃이 핀 봄에 찍은 것이며, 어머니는 화를 내신 것이 아니라 사진을 쓰다듬으며 봄에 함께 가자고 하셨다.

선택지 분석

① 입원 시기는 ‘지난가을’이다.

② 사진 뒤에 ‘봄, 인주천에서’라고 적혀 있고 벚꽃이 배경이므로 봄에 찍은 것이다.

③ 정답. ‘나’는 앨범에서 찾은 사진을 코트 주머니에 넣고 병원으로 가서 내밀었다.

④ 어머니는 사진을 쓰다듬으며 “봄이 오면, 인주천에 같이 가자”라고 하셨다.

> **TIP** **풀이 팁** 소설 문항은 시간(그해 겨울·지난가을·사십 년 전 봄)과 장소(집·병원·인주천)의 좌표를 정리하면 사실 관계형 오답이 쉽게 걸러집니다.

내밀다 손이나 물건을 앞으로 내어 보내다.

읽기 20번 | 정답 ①

TOPIK II 듣기 4~8번(이어질 말) 유형 · 지문형 전환

근거와 풀이

남자가 ‘일요일에 비가 온다’는 새로운 정보를 제시했으므로, 여자는 이를 반영해 계획을 조정하는 말을 이어야 한다. 비가 오지 않는 토요일로 날짜를 바꾸자는 말이 자연스럽다. 단풍이 떨어졌다거나 우산을 안 가져왔다는 말은 상황과 맞지 않고, 공원의 거리에 대한 말은 대화의 흐름과 관계가 없다.

선택지 분석

① 정답. ‘일요일에 비가 온다’는 정보를 받아 비가 없는 토요일로 계획을 조정하는 응답이다.

② 단풍 구경을 가자는 제안 단계이므로 단풍이 다 떨어졌다는 말은 흐름과 맞지 않는다.

③ 아직 나들이 전이므로 우산을 안 가져왔다는 말은 상황과 맞지 않는다.

④ 거리 이야기는 비 소식이라는 새 정보와 무관하다.

> **TIP** **풀이 팁** 대화 완성은 직전 발화의 ‘새 정보’(비 소식)에 반응하는 말이 정답입니다. 새 정보를 무시하는 선택지는 아무리 자연스러워 보여도 오답입니다.

단풍 구경 가을에 붉고 노랗게 물든 나뭇잎을 보러 다니는 일. · **-는다고 하던데요** 다른 사람에게 들은 내용을 근거로 제시하며 상대의 반응을 기대할 때 쓰는 표현.

읽기 21번 | 정답 ④

TOPIK II 듣기 9~12번(이어서 할 행동) 유형 · 지문형 전환

근거와 풀이

여자의 마지막 발화 '지금 사진관에 가서 사진부터 맡기고 올게요'가 곧바로 이어질 행동이다. 사진 고르기는 이미 끝낸 일(시점 왜곡)이고, 액자 주문은 남자가 하기로 한 일(주체 교체)이며, 전시장 자리 정하기는 나중에 같이 할 일이다. 후속 행동 문항의 오답은 이렇게 '이미 한 일 / 상대가 할 일 / 나중에 할 일'로 설계된다.

선택지 분석

① 사진 고르기는 이미 끝낸 일이다(시점 왜곡형 오답).

② 액자 주문은 남자가 하기로 한 일이다(주체 교체형 오답).

③ 전시장 자리는 '이따가 같이' 할 일이다(시점 왜곡형 오답).

④ 정답. '지금 사진관에 가서 사진부터 맡기고 올게요'가 바로 이어질 행동이다.

> **TIP 풀이 팁** 후속 행동 문항의 오답 공식은 '이미 한 일 / 상대가 할 일 / 나중에 할 일' 세 가지입니다. '지금·먼저·부터'가 붙은 행동이 정답일 확률이 높습니다.

인화(하다) 찍은 사진을 종이 위에 나타나게 하다. · **맡기다** 어떤 일을 해 달라고 부탁하며 물건을 건네주다.

읽기 22번 | 정답 ①

TOPIK II 듣기 17~20번(중심 생각) 유형 · 지문형 전환

근거와 풀이

남자는 '저는 ~다고 생각해요'로 자신의 견해를 직접 밝히고 그 근거(감정을 있는 그대로 인정하게 됨)를 덧붙였다. 중심 생각 유형은 '-는 게 좋다, -어야 하다, -다고 생각하다'와 같은 표지 뒤의 내용이 정답이 된다. '이별 노래는 피해야 한다'는 남자가 반박하는 통념이며, 신나는 노래나 운동에 대한 내용은 언급되지 않았다.

선택지 분석

① 정답. '저는 ~다고 생각해요' 뒤의 내용이 곧 중심 생각이다.

② 이별 노래를 피해야 한다는 것은 남자가 반박하는 통념이다.

③ 신나는 노래 이야기는 나오지 않았다.

④ 운동과의 비교도 언급되지 않았다.

> **TIP 풀이 팁** 중심 생각은 '그런데/하지만' 뒤 + '-다고 생각해요, -는 게 좋아요, -어야 해요' 표지 뒤에 옵니다. 앞부분의 통념(다른 사람들의 말)을 정답으로 고르지 않도록 주의하세요. 이 대화의 주제는 이 책의 노래 「사계절」과도 통합니다.

통념 사회에서 일반적으로 널리 퍼져 있는 생각. · **인정하다** 어떤 것이 확실히 그렇다고 여기다.

읽기 23번 | **정답 ③** TOPIK II 듣기 21~22번(직장 대화) 유형 · 지문형 전환

근거와 풀이

남자는 '뮤직비디오 형식으로 제작해 보면 어떨까 해요'라고 제안한 뒤, 여자가 제작 기간을 걱정하자 '한번 만들어 놓으면 계절마다 다시 쓸 수 있어 길게 보면 더 효율적'이라는 근거를 들어 제안을 유지한다. 따라서 중심 생각은 뮤직비디오 형식의 효과성이다.

선택지 분석

① 예년 방식 유지는 여자의 첫 제안이지 남자의 생각이 아니다.

② 남자는 기간이 더 들어도 만들 가치가 있다는 입장이므로 포기와는 반대이다.

③ 정답. 제안(뮤직비디오 형식) + 근거(끝까지 보게 함, 재사용 가능)로 일관된다.

④ 장면을 많이 넣자는 말은 없다. 오히려 나열 방식의 대안을 제시한다.

> **TIP** **풀이 팁** 직장 대화 세트에서 중심 생각은 대개 '제안 → 반론 → 재반박' 구조의 재반박 쪽에 있습니다. 반론(제작 기간)을 듣고 입장을 바꾸는지 유지하는지 확인하세요. 이 대화는 바로 이 책과 뮤직비디오가 만들어진 이유이기도 합니다.

나열하다 여러 가지를 죽 벌여 놓다. · **효율적** 들인 노력에 비하여 얻는 결과가 큰 것.

읽기 24번 | **정답 ②** TOPIK II 듣기 21~22번 유형 · 내용 일치

근거와 풀이

노래를 만들어 뮤직비디오 형식으로 제작하자고 한 사람은 남자이므로 '노래를 활용한 영상 제작을 제안했다'가 일치한다. 영상은 아직 기획 단계이고, 여자는 기간을 늘리자고 한 것이 아니라 기간이 더 필요할 것을 걱정했으며, 예년의 영상은 장면을 나열하는 방식이었다.

선택지 분석

① 영상은 아직 기획 단계이다.

② 정답. 노래를 만들어 뮤직비디오 형식으로 제작하자고 한 사람은 남자이다.

③ 여자는 기간을 늘리자고 한 것이 아니라 기간이 더 필요할 것을 걱정했다.

④ 예년의 영상은 장면을 나열하는 방식이었다.

> **TIP** **풀이 팁** 내용 일치에서 '누가 한 말인가'(주체)를 바꿔치기하는 오답이 단골입니다. 대화문에서는 남자/여자의 발화 옆에 각자의 입장을 한 단어로 메모하며 읽으세요.

기획 일을 어떻게 할지 미리 생각하여 계획을 세움.

읽기 25번 | 정답 ④

TOPIK II 듣기 29~30번(직업 인터뷰) 유형 · 지문형 전환

근거와 풀이

‘관측 지점’, ‘꽃눈 관찰’, ‘기온 분석’, ‘개화일 계산·발표’라는 업무 내용에서 계절의 변화를 관측하고 알리는 직업임을 추론할 수 있다. 직업 추론 유형은 직업명이 직접 언급되지 않으므로 업무를 나타내는 어휘를 종합해야 한다.

선택지 분석

① 나무를 관찰하지만 심고 가꾸는 일은 언급되지 않았다.

② 축제 기획 업무는 나오지 않는다.

③ 사진 촬영·판매와는 무관하다.

④ 정답. 관측 지점·꽃눈 관찰·기온 분석·개화일 계산과 발표 = 계절 변화를 관측해 알리는 사람.

> **TIP 풀이 팁** 직업 추론은 직업 명칭이 아니라 업무 동사(관측하다, 분석하다, 계산하다, 발표하다)를 모아 종합하는 문항입니다. 한 단어(나무, 꽃)에 끌려 표면적으로 고르면 함정에 빠집니다.

개화 꽃이 핌. · **관측** 자연 현상의 변화를 기계나 눈으로 자세히 살펴서 재는 일. · **꽃눈** 자라서 꽃이 될 싹.

읽기 26번 | 정답 ①

TOPIK II 듣기 29~30번 유형 · 내용 일치

근거와 풀이

남자는 ‘기후 변화로 개화 시기가 점점 빨라지고 있다’고 직접 말했다. 개화일은 겨울철과 봄철의 기온을 함께 분석해 계산하고, 기준 나무를 해마다 새로 정한다는 언급은 없으며, 과거 자료만으로는 정확한 예측이 어렵다고 했다.

선택지 분석

① 정답. ‘기후 변화로 개화 시기가 점점 빨라지고 있어서’와 일치한다.

② 개화일은 겨울철과 봄철 기온을 ‘함께’ 분석해 계산한다.

③ 기준 나무를 해마다 새로 정한다는 말은 없다(무단 추가형 오답).

④ ‘과거 자료만으로는 정확한 예측이 어렵습니다’와 정반대이다.

> **TIP 풀이 팁** ‘~만으로’, ‘함께’ 같은 한정·포함 표현이 정오를 가릅니다. 또 지문에 없는 내용을 그럴듯하게 추가한 ‘무단 추가형’ 오답은 근거 문장을 찾을 수 없다는 점으로 걸러 냅니다.

어긋나다 기대나 예상과 다르게 되다.

읽기 27번 | 정답 ②

TOPIK II 듣기 31~32번(토론) 유형 · 지문형 전환

근거와 풀이

남자는 보행자 사고 감소와 방문객 증가라는 두 가지 근거를 들어 '통제는 유지해야 한다'는 입장을 처음부터 끝까지 유지한다. 우회로 확충에 찬성한 것은 부분적인 양보일 뿐 중심 주장이 아니다.

선택지 분석

① 통제를 없애자는 것은 여자 쪽 논리에 가깝다.

② 정답. 사고 감소·방문객 증가를 근거로 '통제 유지'를 끝까지 주장한다.

③ 방문객 수 제한은 논의되지 않았다.

④ 도로 확장은 언급되지 않았고, 남자는 우회로 확충에 찬성했다.

> **TIP** **풀이 팁** 토론 지문은 첫 발화에서 쟁점(차량 통제)을 확정하고, 각 인물의 입장을 찬/반으로 표시하세요. '다만, 물론 ~지만' 뒤에 진짜 주장이 옵니다.

통제 일정한 방침에 따라 행동을 제한함. · **민원** 주민이 행정 기관에 어떤 일을 해결해 달라고 요구하는 일. · **우회로** 곧바로 가지 않고 돌아서 가는 길.

읽기 28번 | 정답 ①

TOPIK II 듣기 31~32번 유형 · 태도 파악

근거와 풀이

태도 유형의 선택지는 '…-고 있다' 형태로 통일된다. 남자는 통계(사고 감소, 방문객 증가)를 근거로 제시하며 주장을 바꾸지 않으므로 '일관되게 유지하고 있다'가 정답이다. 우회로에 찬성한 것은 부분 수용이므로 '전적으로 수용'은 과장이고, 남자는 현행 정책을 옹호하는 쪽이며, 판단을 미루거나 낙관하는 태도도 보이지 않는다.

선택지 분석

① 정답. 통계(사고 감소, 방문객 30% 증가)라는 근거 + 처음부터 끝까지 같은 주장 = 일관된 태도.

② 우회로에만 찬성했으므로 '전적으로 수용'은 과장이다.

③ 남자는 현행 정책(통제)을 옹호하는 쪽이다.

④ '어떤 경우에도 계속되어야 한다'고 단정하므로 결정을 미루는 태도가 아니다.

> **TIP** **풀이 팁** 태도 선택지는 「~하며 …-고 있다」 틀로 나옵니다. 앞부분(방식: 근거를 들어/비판하며/수용하며)과 뒷부분(행위: 주장하고 있다/평가하고 있다)을 나눠 각각 검증하면 '반만 맞는' 오답을 걸러 낼 수 있습니다.

일관되다 처음부터 끝까지 태도나 방법이 한결같다. · **전적으로** 완전히. 모두 다.

읽기 29번 | **정답 ④** TOPIK II 듣기 41~42번(강연) 유형 · 지문형 전환

근거와 풀이

강연 전체가 '절기 = 태양의 움직임을 기준으로 한 계절 체계'라는 정의와 그 기능(계절 달력의 역할, 오늘날의 활용)을 설명하고 있다. 달을 기준으로 한다는 진술은 담화와 정반대이고, 오늘날 쓰이지 않는다거나 명절을 위해 만들어졌다는 진술도 담화와 어긋난다. 강연의 '중심 내용'은 개인의 의견이 아니라 강연 전체의 요지를 묻는다는 점에서 대화의 '중심 생각'과 구별된다.

선택지 분석

① '달의 모양이 아니라'와 '거의 달라지지 않습니다'에 정면으로 어긋난다.

② '오늘날에도 널리 활용되고 있습니다'와 어긋난다.

③ 명절 행사 목적이라는 언급은 없다.

④ 정답. 글 전체가 '태양 기준의 계절 체계'라는 정의와 기능을 설명한다.

> **TIP 풀이 팁** 강연·설명문의 '중심 내용'은 특정 문장이 아니라 글 전체의 요지입니다. 정의(-이다) + 기능(-의 역할을 했다) + 현재의 의의(오늘날에도)를 모두 포괄하는 선택지를 고르세요.

절기 한 해를 태양의 움직임에 따라 스물넷으로 나눈 것. · **-(으)ㄴ 셈이다** 실제로 그런 것은 아니지만 결국 그런 것과 마찬가지라는 뜻을 나타내는 표현.

읽기 30번 | **정답 ③** TOPIK II 듣기 41~42번 유형 · 내용 일치

근거와 풀이

'입춘, 입하, 입추, 입동은 각 계절이 시작되는 절기'라고 했으므로 '입춘은 봄이 시작되는 절기'가 일치한다. 절기의 날짜는 해마다 거의 달라지지 않고, 기준은 달이 아니라 태양이며, 오늘날에도 일기 예보 등에서 활용된다.

선택지 분석

① 날짜는 '해마다 거의 달라지지 않습니다'.

② 기준은 달이 아니라 태양이다.

③ 정답. '입춘, 입하, 입추, 입동은 각 계절이 시작되는 절기'라고 했다.

④ 오늘날에도 일기 예보 등에서 활용된다.

> **TIP 풀이 팁** 마지막 문항까지 집중력을 유지하는 요령: 선택지를 먼저 읽고 지문에서 확인할 키워드(날짜, 달/태양, 입춘, 오늘날) 네 개를 정한 뒤, 지문을 한 번만 훑으며 O/X를 표시합니다.

입춘 이십사절기 중 첫째로, 봄이 시작된다고 하는 날.

문법 색인

Bảng tra ngữ pháp

이 편의 노래와 모의고사에 나온 조사 3개와 어미·표현 22개입니다. 예문의 (가사 n)은 제3장 문장 번호, (듣기·읽기 n)은 제2부 문항입니다.

Đây là 3 tiểu từ và 22 đuôi từ · cách diễn đạt xuất hiện trong bài hát và đề thi thử của tập này. Trong ví dụ, "가사 n" là số câu ở Chương 3, còn "듣기/읽기 n" là số câu hỏi ở Phần 2.

하나. 조사 (3개) Tiểu từ

문법 Hình thức	의미 · 기능 Nghĩa · chức năng	예문 (나온 곳) Ví dụ (vị trí xuất hiện)
이/가	문장의 주어를 나타냄 tiểu từ chỉ chủ ngữ của câu	여름이 가고 가을이 오고 있어요. (가사 1)
을/를	동작의 대상(목적어)을 나타냄 tiểu từ chỉ đối tượng của hành động	그리움을 안 후에 뜨거움이 식어 가요. (가사 4)
(으)로	수단·도구, 방향 tiểu từ chỉ phương tiện, công cụ hoặc phương hướng	어떻게 새로운 사랑으로 그대를 잊을 수 있나요? (가사 19)

둘. 어미 · 표현 (22개) Đuôi từ và cách diễn đạt

문법 Hình thức	의미 · 기능 Nghĩa · chức năng	예문 (나온 곳) Ví dụ (vị trí xuất hiện)
-(으)ㄴ	앞말이 뒷말을 꾸미게 함(관형) đuôi từ khiến từ đứng trước bổ nghĩa cho danh từ đứng sau	어찌 그립다고 새로운 사랑을 시작하나요? (가사 10)
-(으)ㄴ 셈이다	실제로 그런 것과 마찬가지임 diễn tả rằng trên thực tế cũng chẳng khác gì như vậy	읽기 29
-(으)ㄴ 후에	앞의 일이 끝난 다음에 diễn tả việc gì đó xảy ra sau khi hành động phía trước đã kết thúc	사랑이 끝난 후에 쓸쓸함이 찾아오네요. (가사 2)
-(으)ㄹ 수 있다	가능함 diễn tả điều gì đó là có thể	어떻게 외로운 날 두고 사랑이 떠나갈 수 있나요? (가사 17)
-(으)ㄹ수록	앞의 정도에 따라 뒤의 정도도 변함 diễn tả rằng vế trước càng sâu đậm thì vế sau cũng biến đổi theo	그리움이 깊어 갈수록 그대가 보고 싶어요. (가사 14 · 듣기 3 · 읽기 1)
-(으)ㅁ	동사·형용사를 명사로 만듦 đuôi từ biến động từ hoặc tính từ thành danh từ	사랑이 끝난 후에 쓸쓸함이 찾아오네요. (가사 2)
-(으)로 인해	원인·이유(격식적) cách diễn đạt trang trọng nêu nguyên nhân, lý do	읽기 7

-고	두 가지 이상의 일을 나란히 이음 đuôi từ nối liệt kê hai hành động hoặc trạng thái trở lên	여름이 가고 가을이 오고 있어요. (가사 1)
-고 싶다	하기를 원함 diễn tả mong muốn làm việc gì đó	어찌 잊고 싶다고 그 사랑이 지워지나요? (가사 12)
-고 있다	행동·변화가 계속 진행됨 diễn tả hành động hoặc biến đổi vẫn đang tiếp diễn	여름이 가고 가을이 오고 있어요. (가사 1)
-나요	부드럽게 물어봄 đuôi từ dùng khi hỏi bằng giọng nhẹ nhàng, mềm mỏng	어찌 그립다고 새로운 사랑을 시작하나요? (가사 10)
-네요	새로 알게 된 사실에 대한 감탄 đuôi từ bộc lộ cảm xúc trước điều vừa mới nhận ra	사랑이 끝난 후에 쓸쓸함이 찾아오네요. (가사 2)
-는 것	동사를 명사처럼 만듦 hình thức biến động từ thành cụm danh từ	사랑이 쓸쓸함을 남겨 놓는 것이지 (가사 9)
-는 바람에	예상하지 못한 원인으로 부정적 결과가 생김 diễn tả nguyên nhân bất ngờ dẫn tới kết quả thường là tiêu cực	읽기 2
-는다고 하던데요	들은 내용을 전하며 반응을 기대함 thuật lại điều nghe được, đồng thời chờ phản ứng của người nghe	읽기 20
-다고	이유·의도, 인용 dùng để dẫn lại lời nói hoặc suy nghĩ, hoặc để nêu lý do và ý định	어찌 그립다고 새로운 사랑을 시작하나요? (가사 10)
-아요/-어요	해요체 종결 어미 đuôi từ kết thúc câu theo lối nói lịch sự	여름이 가고 가을이 오고 있어요. (가사 1)
-어 가다	상태·행동이 계속 진행되어 감 diễn tả trạng thái hoặc hành động cứ tiến dần theo thời gian	그리움을 안 후에 뜨거움이 식어 가요. (가사 4)
-어 놓다	행동의 결과를 그대로 유지함 diễn tả kết quả của hành động được giữ nguyên như vậy	사랑이 쓸쓸함을 남겨 놓는 것이지 (가사 9)
-어지다	다른 힘에 의해 그렇게 됨(피동) diễn tả điều gì đó trở nên như thế do một tác động khác	어찌 잊고 싶다고 그 사랑이 지워지나요? (가사 12)
-지	어떤 사실을 짚어 강조함 đuôi từ chỉ ra và nhấn mạnh một sự thật nào đó	사랑이 쓸쓸함을 남겨 놓는 것이지 (가사 9)
이다	명사 뒤에 붙어 서술함 gắn vào danh từ để cho biết một vật là gì	사랑이 쓸쓸함을 남겨 놓는 것이지 (가사 9)

어휘 색인

Bảng tra từ vựng

'노래 어휘'는 뮤직비디오 가사에 나온 말, '확장 어휘'는 모의고사 해설의 어휘 노트에 나온 말입니다. 모두 가나다순입니다.
"Từ vựng bài hát" là những từ xuất hiện trong lời của music video, còn "từ vựng mở rộng" lấy từ phần ghi chú từ vựng trong lời giải của đề thi thử. Tất cả được sắp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Hàn.

하나. 노래 어휘 (40개) Từ vựng bài hát

단어 Từ	품사 Từ loại	뜻 Nghĩa	노래 속 예문 Ví dụ trong bài hát
가다	동사 đg.	đi; (mùa) trôi qua	여름이 가고 가을이 오고 있어요. (가사 1)
가을	명사 dt.	mùa thu	여름이 가고 가을이 오고 있어요. (가사 1)
겨울	명사 dt.	mùa đông	겨울이 가고 봄이 오고 있어요. (가사 5)
그	관형사 định từ	ấy, đó	어찌 잊고 싶다고 그 사랑이 지워지나요? (가사 12)
그대	대명사 đại từ	em, người thương (cách nói thi ca)	그리움이 깊어 갈수록 그대가 보고 싶어요. (가사 14)
그리움	명사 dt.	nỗi nhớ, niềm mong nhớ	그리움을 안 후에 뜨거움이 식어 가요. (가사 4)
그립다	형용사 tt.	nhớ, mong nhớ	어찌 그립다고 새로운 사랑을 시작하나요? (가사 10)
깊다	형용사 tt.	sâu	그리움이 깊어 갈수록 그대가 보고 싶어요. (가사 14)
끝나다	동사 đg.	kết thúc	사랑이 끝난 후에 쓸쓸함이 찾아오네요. (가사 2)
나	대명사 đại từ	tôi	어떻게 외로운 날 두고 사랑이 떠나갈 수 있나요? (가사 17)
남기다	동사 đg.	để lại	사랑이 쓸쓸함을 남겨 놓는 것이지 (가사 9)
다시	부사 trt.	lại, một lần nữa	가을이 오고 또 다시 겨울이 오네요. (가사 13)
더	부사 trt.	hơn nữa	새로운 사랑이 깊어 갈수록 더 보고 싶어요. (가사 16)
두근거리다	동사 đg.	(tim) đập rộn ràng	이별이 끝난 후에 두근거림이 찾아오네요. (가사 6)
두다	동사 đg.	đặt, để nguyên	어떻게 외로운 날 두고 사랑이 떠나갈 수 있나요? (가사 17)
두려움	명사 dt.	nỗi sợ	이별이 두려움을 새겨 놓는 것이지 (가사 11)
떠나가다	동사 đg.	rời đi, xa dần	어떻게 외로운 날 두고 사랑이 떠나갈 수 있나요? (가사 17)
또	부사 trt.	lại, thêm một lần nữa	가을이 오고 또 다시 겨울이 오네요. (가사 13)
뜨겁다	형용사 tt.	nóng, nồng nàn	그리움을 안 후에 뜨거움이 식어 가요. (가사 4)
보다	동사 đg.	nhìn; (보고 싶다) nhớ	그리움이 깊어 갈수록 그대가 보고 싶어요. (가사 14)

봄	명사 dt.	mùa xuân	겨울이 가고 봄이 오고 있어요. (가사 5)
사라지다	동사 đg.	biến mất, tan biến	설렘을 안 후에 슬픔이 사라져 가요. (가사 8)
사랑	명사 dt.	tình yêu	사랑이 끝난 후에 쓸쓸함이 찾아오네요. (가사 2)
새기다	동사 đg.	khắc, ghi khắc	이별이 두려움을 새겨 놓는 것이지 (가사 11)
새롭다	형용사 tt.	mới	어찌 그립다고 새로운 사랑을 시작하나요? (가사 10)
설레다	동사 đg.	(tim) xao xuyến, rộn ràng	설렘을 안 후에 슬픔이 사라져 가요. (가사 8)
슬픔	명사 dt.	nỗi buồn	설렘을 안 후에 슬픔이 사라져 가요. (가사 8)
시작하다	동사 đg.	bắt đầu	어찌 그립다고 새로운 사랑을 시작하나요? (가사 10)
식다	동사 đg.	nguội đi	그리움을 안 후에 뜨거움이 식어 가요. (가사 4)
쓸쓸하다	형용사 tt.	quạnh quẽ, đơn côi	사랑이 끝난 후에 쓸쓸함이 찾아오네요. (가사 2)
알다	동사 đg.	biết, cảm nhận	그리움을 안 후에 뜨거움이 식어 가요. (가사 4)
어떻게	부사 trt.	làm sao, bằng cách nào	어떻게 외로운 날 두고 사랑이 떠나갈 수 있나요? (가사 17)
어찌	부사 trt.	sao có thể (lối nói văn chương)	어찌 그립다고 새로운 사랑을 시작하나요? (가사 10)
여름	명사 dt.	mùa hè	여름이 가고 가을이 오고 있어요. (가사 1)
오다	동사 đg.	đến, tới	여름이 가고 가을이 오고 있어요. (가사 1)
외롭다	형용사 tt.	cô đơn	어떻게 외로운 날 두고 사랑이 떠나갈 수 있나요? (가사 17)
이별	명사 dt.	sự chia ly	이별이 끝난 후에 두근거림이 찾아오네요. (가사 6)
잊다	동사 đg.	quên	어찌 잊고 싶다고 그 사랑이 지워지나요? (가사 12)
지우다	동사 đg.	xóa	어찌 잊고 싶다고 그 사랑이 지워지나요? (가사 12)
찾아오다	동사 đg.	tìm đến (dùng cả cho cảm xúc)	사랑이 끝난 후에 쓸쓸함이 찾아오네요. (가사 2)

둘. 확장 어휘 (68개) Từ vựng mở rộng

단어 Từ	뜻 Nghĩa (tiếng Hàn · tiếng Việt)	나온 곳 Vị trí xuất hiện
가늘게 떨리다	약하고 작게 흔들리다. run lên khe khẽ	읽기 18
개화	꽃이 핌. sự nở hoa	읽기 25
겨우내	겨울 동안 계속. suốt cả mùa đông	읽기 12
견디다	어려움이나 아픔을 참고 이겨 내다. chịu đựng, cầm cự	읽기 11

경계	서로 다른 두 지역이나 사물이 구분되는 지점. ranh giới	읽기 17
고조되다	감정이나 분위기가 점점 높아지다. (cảm xúc) dâng cao	듣기 10
관측	자연 현상의 변화를 기계나 눈으로 자세히 살펴서 재는 일. sự quan trắc, quan sát	읽기 25
기획	일을 어떻게 할지 미리 생각하여 계획을 세움. việc lên kế hoạch, hoạch định	읽기 24
껑충	(비유적으로) 수량이나 정도가 갑자기 크게 오르는 모양. vọt lên (tăng vọt đột ngột)	읽기 16
꽃눈	자라서 꽃이 될 싹. nụ hoa	읽기 25
나들이객	집을 떠나 가까운 곳에 놀러 나온 사람. người đi chơi, khách dạo chơi	읽기 16
나열하다	여러 가지를 죽 벌여 놓다. liệt kê, kể ra lần lượt	읽기 23
내밀다	손이나 물건을 앞으로 내어 보내다. chìa ra, đưa ra	읽기 19
단풍 구경	가을에 붉고 노랗게 물든 나뭇잎을 보러 다니는 일. việc đi ngắm lá đổi màu	읽기 20
독백	혼자서 하는 말. lời độc thoại	듣기 8
뒤를 잇다	앞의 것 다음의 순위나 차례가 되다. theo sau, đứng ở vị trí kế tiếp	읽기 5
맡기다	어떤 일을 해 달라고 부탁하며 물건을 건네주다. giao phó, gửi gắm	읽기 21
목화솜	목화에서 얻은, 이불 등에 넣는 부드러운 솜. bông gòn	읽기 3
문득	생각이나 느낌이 갑자기 떠오르는 모양. bỗng nhiên, chợt	읽기 14
물들다	빛깔이 스미거나 옮아서 묻다. nhuộm màu, chuyển sắc	읽기 8
뭉클하다	슬픔이나 감동으로 마음이 갑자기 꽉 차는 느낌이 있다. nghẹn ngào, xúc động dâng trào	읽기 14
민원	주민이 행정 기관에 어떤 일을 해결해 달라고 요구하는 일. đơn khiếu nại của người dân	읽기 27
박동	심장이 뛰는 것. nhịp đập	읽기 10
방치하다	돌보지 않고 그대로 내버려 두다. bỏ mặc, không đoái hoài	읽기 15
본격적	일이 제대로 갖추어져 그 형태나 특징이 뚜렷한 것. thực thụ, vào giai đoạn cao điểm	읽기 2
분주하다	이리저리 바쁘고 수선스럽다. bận rộn, nhộn nhịp	읽기 16

빗대다	어떤 것을 직접 말하지 않고 다른 것에 비유해서 말하다. ví von, nói bóng gió	듣기 8
샘이 나다	남이 잘되는 것이 부러워 미워하는 마음이 생기다. sinh lòng ghen tị	듣기 6
생태계	생물과 환경이 서로 영향을 주고받는 체계. hệ sinh thái	읽기 17
소절	노래 가사의 한 부분. 한 줄 정도의 단위. một câu (trong lời bài hát), một khổ nhỏ	듣기 2
수사적 물음	대답을 듣기 위해서가 아니라 뜻을 강조하기 위해 하는 질문. câu hỏi tu từ	듣기 4
신호	어떤 일이 일어날 것을 알리는 몸속의 반응이나 표시. tín hiệu	읽기 9
쓰다듬다	손으로 살살 어루만지다. vuốt ve, xoa nhẹ	읽기 18
어긋나다	기대나 예상과 다르게 되다. trái ngược, lệch khỏi dự tính	읽기 26
언급되다	어떤 내용이 말이나 글에서 이야기되다. được nhắc đến	듣기 1
연기되다	정해진 날짜나 시간이 뒤로 미루어지다. bị hoãn lại	읽기 7
연둣빛	연한 초록색. màu xanh non	읽기 14
연례행사	해마다 정기적으로 하는 행사. sự kiện thường niên	읽기 12
연쇄적	서로 이어져 연달아 일어나는 것. mang tính dây chuyền	읽기 17
열기	뜨겁게 달아오른 분위기나 관심. hơi nóng; không khí sôi nổi	읽기 6
엽록소	식물의 잎을 초록색으로 보이게 하는 색소. chất diệp lục	읽기 8
옅어지다	정도가 약해지다. nhạt dần, mờ đi	듣기 4
예년	보통의 다른 해. những năm bình thường, các năm trước	읽기 13
우회로	곧바로 가지 않고 돌아서 가는 길. đường vòng	읽기 27
음원	디지털 형태로 만들어져 유통되는 음악. bản ghi âm; ca khúc đã phát hành	읽기 4
응답	물음이나 조사에 대답함. 또는 그 대답. sự hồi đáp, phản hồi	읽기 5
인정하다	어떤 것이 확실히 그렇다고 여기다. thừa nhận, công nhận	읽기 22
인화(하다)	찍은 사진을 종이 위에 나타나게 하다. rửa (ảnh)	읽기 21

일관되다	처음부터 끝까지 태도나 방법이 한결같다. nhất quán	읽기 28
입춘	이십사절기 중 첫째로, 봄이 시작된다고 하는 날. ipchun, lập xuân (tiết khí đầu tiên)	읽기 30
재회	헤어졌던 사람과 다시 만남. sự gặp lại	듣기 5
전액	돈의 전체 액수. toàn bộ số tiền	읽기 6
전적으로	완전히. 모두 다. hoàn toàn	읽기 28
절기	한 해를 태양의 움직임에 따라 스물넷으로 나눈 것. tiết khí (cách chia mùa truyền thống)	읽기 29
접수	신청이나 서류를 공식적으로 받음. việc tiếp nhận, đăng ký	읽기 4
좀처럼	(부정 표현과 함께 쓰여) 여간해서는. khó mà, hiếm khi (đi với phủ định)	읽기 18
철새	계절에 따라 사는 곳을 옮기는 새. chim di trú	읽기 9
최소화하다	가장 적게 만들다. giảm xuống mức thấp nhất	읽기 10
통념	사회에서 일반적으로 널리 퍼져 있는 생각. quan niệm phổ biến	읽기 22
통제	일정한 방침에 따라 행동을 제한함. sự kiểm soát, hạn chế	읽기 27
팔을 걷어붙이다	(관용구) 어떤 일에 적극적으로 나서다. xắn tay áo lên (thành ngữ: bắt tay vào làm hết mình)	읽기 12
포개지다	둘 이상이 겹쳐지다. chồng lên nhau	듣기 9
포근하다	따뜻하고 편안한 느낌이 있다. ấm áp dịu dàng, dễ chịu	읽기 3
혹독하다	몹시 심하고 견디기 어렵다. khắc nghiệt	읽기 11
홀가분하다	복잡하거나 부담스러운 것이 없어 가볍고 편안하다. thấy nhẹ nhõm	듣기 6
회의	어떤 것에 대해 의심을 품음. sự hoài nghi	듣기 10
효율적	들인 노력에 비하여 얻는 결과가 큰 것. hiệu quả	읽기 23
후렴	노래에서 반복되어 나오는 부분. điệp khúc	듣기 7

♪

여기까지 잘 오셨습니다!

Bạn đã đi được đến tận đây — thật tuyệt vời!

노래 한 곡이 여러분의 한국어가 되었습니다.
이제 「사계절」이 들릴 때마다, 오늘 배운 문법과 어휘가 함께 들릴 거예요.

Một bài hát đã trở thành tiếng Hàn của riêng bạn. Từ nay, mỗi lần “Bốn mùa” vang lên, ngữ pháp và từ vựng học hôm nay cũng sẽ vang lên cùng.

제2편에서 새로운 뮤직비디오로 다시 만나요.

Hẹn gặp lại ở Tập 2 với một music video hoàn toàn mới.

뮤직비디오 다시 보기
Xem lại music video
youtu.be/tnn9w5ynbWc

채널 구독 · 다음 편 소식
Đăng ký kênh · tin tức Tập 2
youtube.com/@EPIC21korean

뮤직비디오로 배우는 한국어 · 제1편 사계절 (발라드 버전) · Học tiếng Hàn qua music video, Tập 1
지은이 에픽21 (EPIC21) | 기획·작사·편집 에픽21 (EPIC21) | 작곡·노래·영상·디자인 등 AI 활용
youtube.com/@EPIC21korean |